

VRONTIER

VINACONTROL NEWSLETTER

AUGUST 2026

Forging Ahead
with Pride



Vinacontrol
SINCE 1957

THƯ NGỎ OPENING MESSAGE

VRONTIER | FORGING AHEAD WITH PRIDE
ISSUE NO.15 – AUGUST 2026

Kính gửi Quý đồng nghiệp, đối tác và những người bạn của Vinacontrol,

Tháng Tám về, đưa chúng ta đến gần hơn với mùa Thu lịch sử của dân tộc – thời khắc để mỗi người Việt Nam cùng nhìn lại chặng đường đã qua, trân trọng giá trị của độc lập, hòa bình và những thành quả được vun đắp qua nhiều thế hệ.

Kỷ niệm 81 năm Quốc khánh Việt Nam (02/9/1945 – 02/9/2026), niềm tự hào không chỉ đến từ những dấu mốc đã làm nên lịch sử, mà còn được tiếp nối trong từng nỗ lực dựng xây hôm nay. Từ một đất nước giành lại quyền tự quyết, Việt Nam đang bước vào những chặng phát triển mới với một vị thế ngày càng rộng mở, cùng khát vọng nâng cao năng lực và sức cạnh tranh trên trường quốc tế.

Trong hành trình ấy, Vinacontrol tự hào đã trưởng thành cùng đất nước từ những ngày đầu **đặt nền móng cho ngành giám định hàng hóa Việt Nam**. Những giá trị được xây dựng qua nhiều thập kỷ không chỉ là một di sản để gìn giữ, mà còn là nền tảng để tiếp tục đổi mới, nâng cao năng lực chuyên môn và đồng hành cùng doanh nghiệp trước những yêu cầu ngày càng cao của thị trường và chuỗi cung ứng toàn cầu.

Viết tiếp hành trình tự hào, với Vinacontrol, vì thế không chỉ là tiếp nối những dấu ấn đã có. Đó còn là trách nhiệm tạo nên những giá trị mới: giữ vững niềm tin bằng chuẩn mực nghề nghiệp, mở rộng năng lực bằng tri thức và công nghệ, đồng thời góp phần cùng cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam tiến xa hơn trên hành trình hội nhập và phát triển bền vững.

Với **VRONTIER Tháng 8/2026**, chúng tôi mong muốn tiếp tục mang đến những góc nhìn chuyên môn, câu chuyện thị trường và những chuyển động mới đang định hình tương lai của doanh nghiệp – như một cách cùng nhau nhìn về phía trước từ nền tảng của những giá trị đã được bền bỉ kiến tạo.

Tự hào về hành trình đã qua. Vững vàng viết tiếp những giá trị cho tương lai.

Còn bạn, bạn sẽ viết tiếp hành trình tự hào ấy bằng câu chuyện nào của riêng mình?

Sincerely,

VRONTIER Editorial Team
Vinacontrol Group

Dear colleagues, partners, and friends of Vinacontrol,

August arrives, drawing us closer to the nation's historic autumn, a moment for every Vietnamese to look back on the path already travelled, and to honour the value of independence, peace, and the achievements nurtured across generations.

As we mark the **81st anniversary of Vietnam's National Day (2 September 1945 – 2 September 2026)**, that pride is drawn not only from the milestones that have shaped our history, but is carried forward in every effort to build the nation today. Having reclaimed its right to self-determination, Vietnam is now entering a new phase of development, occupying an increasingly prominent position on the world stage, driven by the aspiration to enhance its capabilities and competitiveness internationally.

Within that journey, Vinacontrol takes pride in having grown alongside the nation since the earliest days of **laying the foundations for Vietnam's inspection industry**. The values built over decades are more than a legacy to be preserved; they are the foundation upon which we continue to innovate, strengthen our professional capabilities, and stand alongside businesses as they meet the ever-rising demands of global markets and supply chains.

Forging ahead with pride, for Vinacontrol, is therefore not simply a continuation of past achievements. It is a responsibility to create new value: upholding trust through professional standards, expanding capability through knowledge and technology, and helping the Vietnamese business community advance further on its journey of integration and sustainable development.

In this **August issue of VRONTIER**, we hope to continue offering expert perspectives, market insights, and the emerging shifts shaping the future of enterprise – our way of looking forward together, from a foundation of values steadily built over time.

Proud of the journey behind us. Steadfast in writing the values that lie ahead.

And you – with what story of your own will you keep forging ahead with pride?

MỤC LỤC

CONTENTS

3

Tiêu điểm tháng

Highlight of the Month

28

Giải pháp

Our Solutions

9

Nhịp ngành – Thị trường và Chính sách

Industry & Market Pulse

32

Văn hoá và Con người

Our Culture & People

21

Hành trình bền vững

The Sustainable Path

34

Truyền cảm hứng

Spark of Inspiration

25

Góc chuyên môn

Technical Spotlight

35

Kế hoạch tháng tới

Looking Ahead



Ba Đình Square,
Hanoi, Vietnam

Chủ đề: Phát triển bền vững và Chuyển đổi xanh Topic: Sustainable Development & Green Transition

➤ Assuring Every Trade with Vinacontrol Expertise

Facebook

August 3rd, 2026

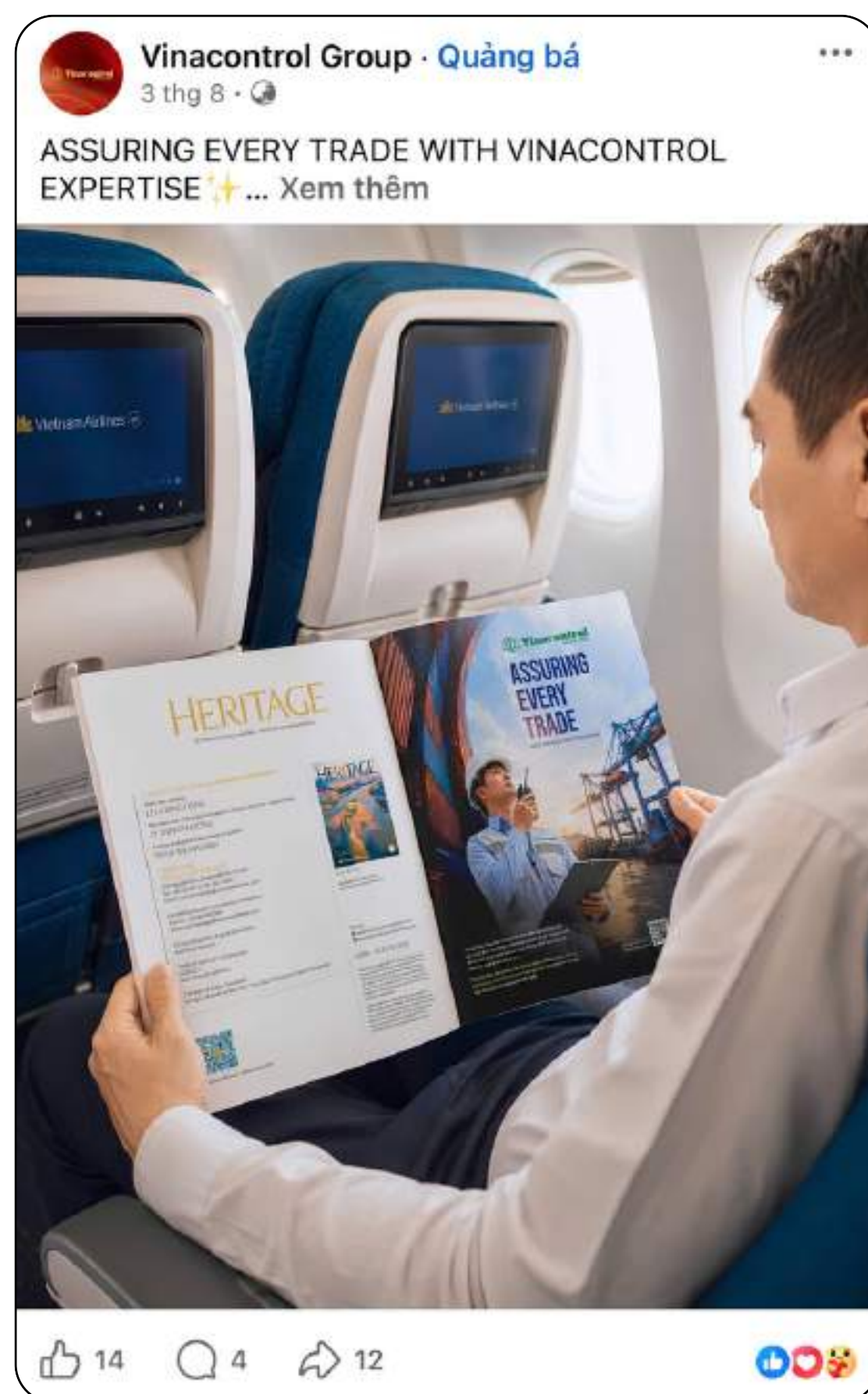
Giữa dòng chảy giao thương đầy biến động, điều gì làm nên điểm tựa vững chắc cho mỗi bước chân vươn xa của doanh nghiệp?

Đó không chỉ là giá trị của sản phẩm, mà còn là sự chính xác tuyệt đối và tính minh bạch được bảo toàn trên từng lô hàng xuất – nhập khẩu.

Suốt 69 năm, Vinacontrol kiên định đồng hành cùng doanh nghiệp, biến mỗi giao dịch thương mại thành lời cam kết về chất lượng.

Từ giám định, thử nghiệm đến chứng nhận, chúng tôi bảo chứng chất lượng, kiểm soát rủi ro và kiến tạo niềm tin trọn vẹn cho mọi hoạt động giao thương xuyên biên giới.

Trong không gian thư thái giữa muôn vàn tầng mây, mời bạn cùng lật mở tạp chí Heritage để gặp lại Vinacontrol - Một điểm dừng chân đầy cảm hứng, nơi chúng tôi gửi gắm câu chuyện về hành trình bảo chứng chất lượng và nối liền những bờ bến giao thương.



Discover now

Instagram

August 5th, 2026



Discover now

Amidst the volatile tides of global trade, what serves as a solid anchor for businesses expanding their reach?

It is not merely the intrinsic value of the product, but the absolute accuracy and uncompromised transparency safeguarded across every import and export shipment.

For 69 years, Vinacontrol has steadfastly stood alongside businesses, transforming every commercial transaction into a firm pledge of quality.

From inspection and testing to certification, we assure quality, mitigate risks, and build complete trust for all cross-border trade activities.

In the serene comfort high above the clouds, we invite you to turn the pages of Heritage magazine and reconnect with Vinacontrol - an inspiring stop where we share our story of safeguarding quality and bridging global trade horizons.

Chủ đề: Phát triển bền vững và Chuyển đổi xanh

Topic: Sustainable Development & Green Transition

➤ Vinacontrol Quy Nhơn – Đồng hành cùng doanh nghiệp kiến tạo tăng trưởng bền vững

Khi thị trường quốc tế ngày càng siết chặt yêu cầu về chất lượng, truy xuất nguồn gốc và phát triển bền vững (CBAM, EUDR, ESG, Net Zero...), một chứng thư giám định uy tín không còn là thủ tục đơn thuần, mà đã trở thành "tấm hộ chiếu" đưa hàng hóa Việt Nam vươn ra thế giới.

Là thành viên của Tập đoàn Vinacontrol – tổ chức giám định đầu tiên và lớn nhất Việt Nam, Vinacontrol Quy Nhơn đang từng bước chuyển mình từ đơn vị giám định truyền thống thành đối tác kỹ thuật toàn diện, hỗ trợ doanh nghiệp khu vực Tây Nguyên – Duyên hải Miền Trung kiểm soát chất lượng ngay từ vùng nguyên liệu, chuẩn hóa dữ liệu phát thải theo ISO 14064, và đáp ứng các tiêu chuẩn xanh khắt khe nhất của thị trường toàn cầu.

Không chỉ đảm bảo tính minh bạch, khách quan trong thương mại, Vinacontrol còn là cầu nối tin cậy giúp nâng cao giá trị nông – lâm sản Việt Nam, đồng hành cùng doanh nghiệp vừa và nhỏ thích ứng với luật chơi mới, và góp phần cải thiện môi trường đầu tư khu vực.

As international markets tighten requirements on quality, traceability, and sustainability (CBAM, EUDR, ESG, Net Zero...), a trusted inspection certificate is no longer a mere administrative procedure, but a crucial "passport" enabling Vietnamese goods to reach the world.

As a member of Vinacontrol Group - Vietnam's first and largest inspection organisation, Vinacontrol Quy Nhon is steadily transforming from a traditional inspection body into a comprehensive technical partner. Vinacontrol Quy Nhon empowers businesses across the Central Highlands and South Central Coast regions to control quality right from the source, standardise emissions data in accordance with ISO 14064, and meet the most stringent sustainability standards in global markets.

Beyond ensuring transparency and objectivity in trade, Vinacontrol serves as a trusted bridge elevating the value of Vietnamese agricultural and forestry products, guiding small and medium-sized enterprises to adapt to new market rules, and contributing to enhancing the regional investment landscape.

Facebook
August 3rd, 2026



🔍 Discover now

Article

July 17th, 2026



🔍 Discover now

Chủ đề: Thử nghiệm sản phẩm
Topic: Product Testing

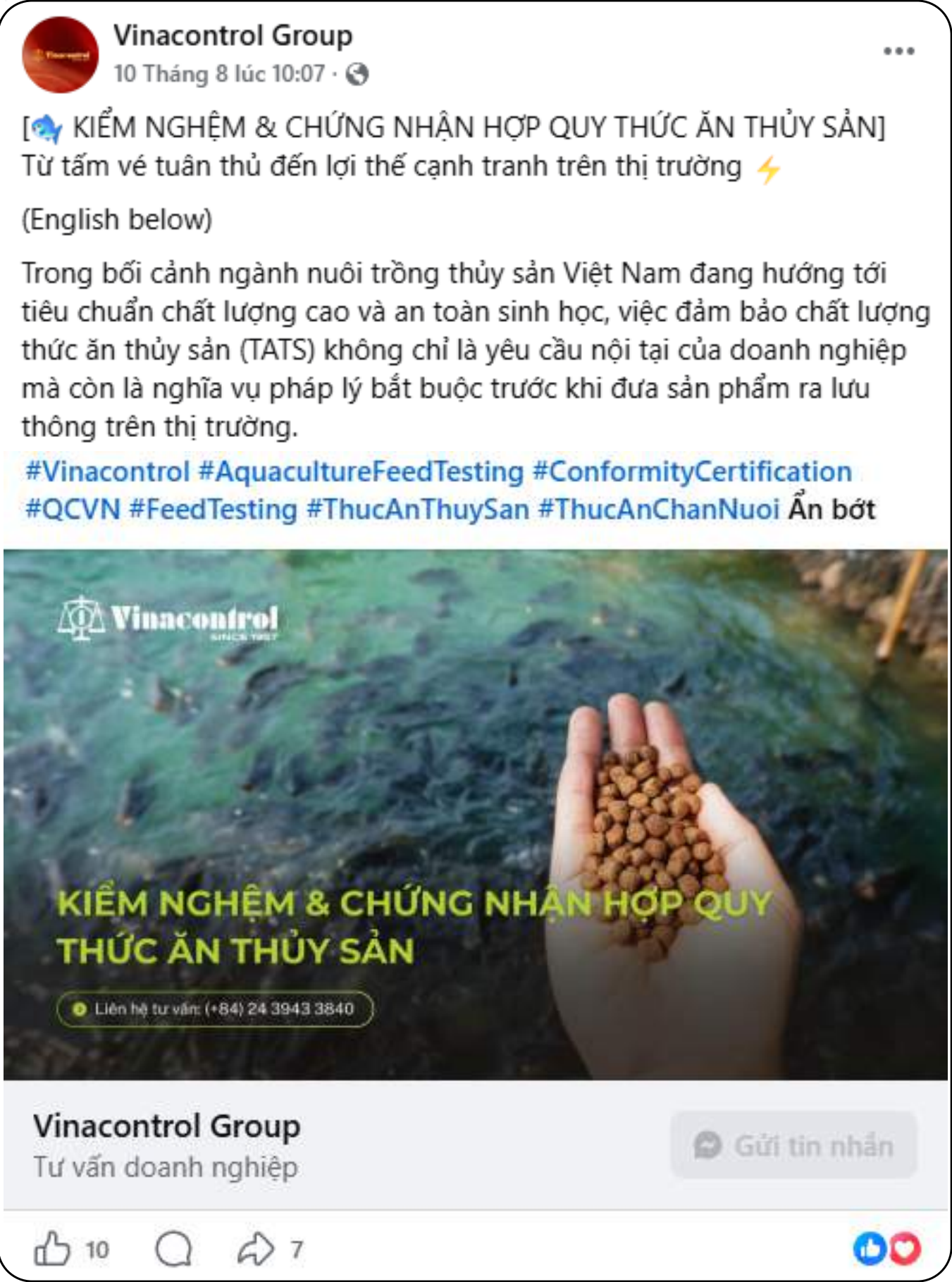
➤ Kiểm nghiệm & Chứng nhận hợp quy Thức ăn thủy sản: Từ tấm vé tuân thủ đến lợi thế cạnh tranh trên thị trường

Trong bối cảnh ngành nuôi trồng thủy sản Việt Nam đang hướng tới tiêu chuẩn chất lượng cao và an toàn sinh học, việc đảm bảo chất lượng thức ăn thủy sản (TATS) không chỉ là yêu cầu nội tại của doanh nghiệp mà còn là nghĩa vụ pháp lý bắt buộc trước khi đưa sản phẩm ra lưu thông trên thị trường.

Theo Luật Thủy sản, Nghị định 26/2019/NĐ-CP và Thông tư 07/2019/TT-BNNPTNT, sản phẩm TATS sản xuất trong nước và nhập khẩu cần chứng nhận hợp quy theo bộ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng.

Với vị thế là tổ chức đánh giá sự phù hợp lâu đời nhất tại Việt Nam, Vinacontrol đồng hành cùng doanh nghiệp thực hiện chứng nhận hợp quy và thử nghiệm chất lượng thức ăn thủy sản.

Facebook
August 10th, 2026



🔗 Discover now

Zalo
August 19th, 2026



🔗 Discover now

Chủ đề: An toàn thực phẩm

Topic: Food Safety

👉 Kiểm nghiệm Bánh Trung thu - Trao gửi niềm tin qua từng chiếc bánh

Mùa Trung thu đang gõ cửa, mang theo hương vị ấm áp của ngày Tết đoàn viên. Mỗi chiếc bánh trao tay không chỉ là món quà tri ân gửi đến gia đình, đối tác, mà còn đại diện cho hình ảnh, uy tín và sự chĩn chu của chính doanh nghiệp.

Với hệ thống phòng thử nghiệm đáp ứng ISO/IEC 17025, đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm và nền tảng chuyên môn được tích lũy qua gần 70 năm hoạt động trong lĩnh vực đánh giá sự phù hợp, Vinacontrol cung cấp dịch vụ kiểm nghiệm bánh trung thu với các chỉ tiêu kiểm nghiệm được xác định theo từng loại sản phẩm, thành phần nguyên liệu và mục đích sử dụng kết quả.

Zalo

August 27th, 2026



🔍 Discover now

Facebook

August 17th, 2026



🔍 Discover now

The Mid-Autumn Festival is around the corner, bringing the warm spirit of the reunion season. Each mooncake gifted is not merely a token of appreciation to family and partners, but also a representation of the enterprise's image, reputation, and meticulousness.

Backed by an ISO/IEC 17025 accredited laboratory network, a team of seasoned experts, and nearly 70 years of heritage in conformity assessment, Vinacontrol provides comprehensive mooncake testing services, with testing parameters tailored to specific product types, ingredients, and the intended use of the results.

Chủ đề: Giám định nông sản và thực phẩm
Topic: Agricultural and Food Inspection

➤ Giám định chè - Bảo chứng chất lượng - Nâng tầm giá trị nông sản Việt

Chè Việt Nam từ lâu đã khẳng định vị thế vững chắc trên bản đồ nông sản thế giới. Chỉ riêng 6 tháng đầu năm 2026, ngành chè đã đạt mốc xuất khẩu 51.021 tấn, mang về 89,05 triệu USD. Để tiếp tục chinh phục các thị trường cao cấp và gia tăng giá trị thương mại cho từng chồi trà, chất lượng chuẩn mực và sự ổn định chính là "chìa khóa vàng" giúp doanh nghiệp bứt phá.

Một chứng thư giám định độc lập không chỉ là thủ tục giao nhận, mà chính là "tấm hộ chiếu uy tín" giúp chè Việt tự tin bước vào những thị trường khó tính, nâng tầm thương hiệu và tạo dựng niềm tin bền vững với các đối tác quốc tế.

Tự hào đồng hành cùng nông sản Việt, Vinacontrol mang đến hệ thống dịch vụ giám định và thử nghiệm toàn diện, giúp doanh nghiệp chuẩn hóa chất lượng theo từng thị trường mục tiêu.

Vietnamese tea has long held a strong position in global agricultural markets. In the first six months of 2026 alone, Vietnam's tea industry achieved an export volume of 51,021 tonnes, generating USD 89.05 million in revenue. To continue penetrating premium markets and maximizing the commercial value of every tea shoot, standardised quality and consistency serve as the "golden key" for businesses to achieve breakthroughs.

An independent inspection certificate is far more than a mere delivery formality - it acts as a "trusted passport" enabling Vietnamese tea to confidently enter stringent markets, elevate brand value, and build sustainable trust with international partners.

Proud to accompany Vietnamese agricultural exports, Vinacontrol offers a comprehensive suite of inspection and testing services, empowering businesses to align product quality with target market standards.

Facebook

August 24th, 2026



🔗 Discover now

Article

August 27th, 2026



🔗 Discover now

Chủ đề: Phát triển bền vững và Chuyển đổi xanh

Topic: Sustainable Development & Green Transition

👉 CBAM 2026: khi dữ liệu carbon trở thành lợi thế cạnh tranh mới của doanh nghiệp xuất khẩu

75,36 EUR/tấn CO₂ - đó là mức giá mà từ năm 2026, mỗi tấn phát thải "ẩn" trong sản phẩm xuất khẩu sang EU sẽ phải trả. Không còn là câu chuyện tuân thủ trên giấy tờ, CBAM đang định hình lại cách doanh nghiệp cạnh tranh: bên cạnh nguyên liệu, nhân công, logistics và vốn, carbon giờ là biến số quyết định trực tiếp đến biên lợi nhuận.

Điều thú vị là: phần lớn khoảng cách giữa doanh nghiệp dẫn đầu và doanh nghiệp còn loay hoay không nằm ở quy mô hay ngành nghề, mà ở một điều đơn giản hơn nhiều - khả năng chứng minh dữ liệu phát thải của chính nhà máy mình, thay vì để đối tác/thị trường tự ước tính hộ.

Vinacontrol sẵn sàng đồng hành cùng doanh nghiệp xuất khẩu xây dựng lộ trình thích ứng CBAM bài bản - từ đo lường, xác minh dữ liệu đến lộ trình giảm phát thải thực chất.

€75.36 per tonne of CO₂ - that is the price tag attached to every tonne of "embedded emissions" in goods exported to the EU starting in 2026. Moving far beyond mere paperwork compliance, CBAM is fundamentally reshaping corporate competitiveness: alongside raw materials, labour, logistics, and capital, carbon has officially become a core variable directly driving profit margins.

Crucially, the real divide between market leaders and struggling peers is not determined by company scale or sector, but by something far more fundamental: the ability to verify facility-level emissions data rather than letting buyers or foreign regulators price in uncertainty using punitive default values.

Vinacontrol stands ready to accompany exporters in building structured CBAM adaptation roadmaps - from carbon accounting and data verification to actionable decarbonization strategies.

Facebook

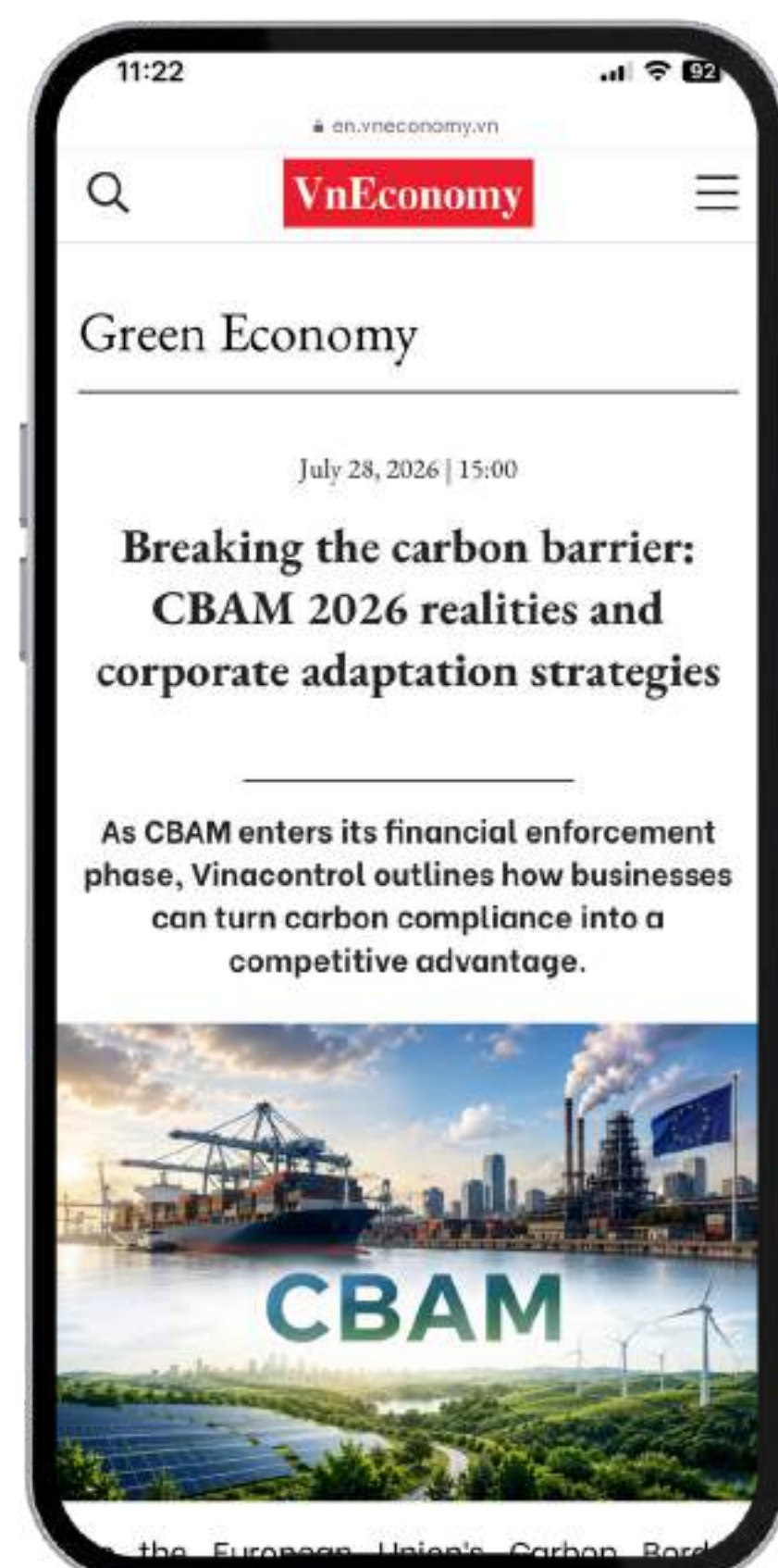
August 31st, 2026



🔍 Discover now

Article

July 28th, 2026



🔍 Discover now

THỊ TRƯỜNG CARBON: BỨC TRANH LỚN, CƠ HỘI NÀO CHO DOANH NGHIỆP VIỆT?

Thưa Quý độc giả của VRONTIER,

Trong bối cảnh các yêu cầu về giảm phát thải và minh bạch chuỗi cung ứng đang dần trở thành luật chơi mới của thương mại quốc tế, thị trường carbon không còn là một khái niệm mang tính thử nghiệm, mà đang hình thành như một cơ chế phân bổ chi phí và giá trị trong nền kinh tế toàn cầu. Đối với doanh nghiệp Việt Nam, đây vừa là áp lực tuân thủ, vừa mở ra khả năng chuyển hóa các nỗ lực giảm phát thải thành giá trị kinh tế cụ thể.

Trong ấn phẩm VRONTIER lần này, chúng tôi có cơ hội trao đổi với Phó Giáo sư Nguyễn Ngọc Hà, nhằm làm rõ một bức tranh lớn: thị trường carbon đang mở ra cơ hội và thách thức nào cho doanh nghiệp Việt Nam, và doanh nghiệp cần chuẩn bị như thế nào để bắt kịp cơn sóng lớn này.



PGS. NGUYỄN NGỌC HÀ

Phó Hiệu trưởng Trường Luật và Khoa học chính trị – Trường Đại học Ngoại thương (FTU), Hà Nội.

Hòa giải viên, Trung tâm Hòa giải Thương mại Quốc tế Việt Nam (VICMC).

Thành viên Hiệp hội Luật & Thương mại (Pháp).

Nghiên cứu viên liên kết, Chaire NEME – Đại học Laval (Canada).

Chuyên gia nghiên cứu về luật WTO, thương mại quốc tế, FTA, phát triển bền vững và đổi mới sáng tạo.

Chuyên gia tư vấn quốc gia cho các dự án của Ngân hàng Thế giới, EU, USAID, NAFOSTED, IISD và nhiều tổ chức quốc tế.

Thị trường carbon đang dần hình thành như một cấu phần của thương mại quốc tế, nhưng tại Việt Nam số lượng các dự án tín chỉ carbon vẫn còn hạn chế.

Theo ông, đâu là “điểm nghẽn” lớn nhất khiến nhiều doanh nghiệp tuy có quan tâm nhưng chưa thực sự tham gia sâu vào cuộc chơi? Điểm nghẽn này nằm ở nhận thức, năng lực nội tại hay chi phí triển khai, chi phí tuân thủ, hay một yếu tố nào khác? Và theo ông, đâu là yếu tố cần được tháo gỡ trước tiên?

Có thể thấy, sau rất nhiều nỗ lực của các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và các chủ thể khác có liên quan, thị trường carbon Việt Nam đã bước vào giai đoạn vận hành thí điểm từ ngày 29/06/2026 với Sàn giao dịch carbon trong nước với ý nghĩa là nền tảng để trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ carbon. Với 110 cơ sở được phân bổ hạn ngạch giai đoạn 2025-2026 và 92 tổ chức đã đăng ký với HNX, đây là bước khởi đầu cho sự phát triển của thị trường carbon Việt Nam, được dự đoán sẽ mang lại nhiều tác động có lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và phòng, chống biến đổi khí hậu không chỉ ở Việt Nam mà ở cả phạm vi quốc tế.

Tuy nhiên, sự phát triển của thị trường carbon Việt Nam vẫn còn gặp phải một số “điểm nghẽn” khiến nhiều doanh nghiệp chưa thực sự tham gia sâu vào sân chơi nhiều tiềm năng này. Một số điểm nghẽn chính có thể kể đến là: i) khung pháp lý còn cần phải hoàn thiện; ii) năng lực đo lường và dữ liệu; iii) chi phí đầu tư; iv) nhận thức chưa đầy đủ...

Có thể thấy một trong những điểm nghẽn lớn nhất là liên quan đến khung pháp lý điều chỉnh thị trường carbon. Trong thời gian qua, Việt Nam đã rất nỗ lực trong việc xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý về thị trường carbon. Tuy vậy, các quy định liên quan đến xác định tính chất pháp lý của hạn ngạch phát thải, tín chỉ carbon; quyền sở hữu với một số loại tín chỉ carbon đặc thù, trong đó có tín chỉ carbon rừng và có thể là tín chỉ carbon biển trong tương lai, từ đó đảm bảo lợi ích của các bên liên quan; cơ chế hợp đồng; khả năng sử dụng tín chỉ carbon làm tài sản

đảm bảo; việc xác định giá; phương thức giao dịch; xác định tính chính xác của kết quả giảm phát thải, cơ chế để các tổ chức, cá nhân sở hữu tín chỉ carbon có thể tham gia giao dịch, trao đổi trên thị trường, cơ chế giải quyết tranh chấp... cần tiếp tục được nghiên cứu, ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung... Khung pháp lý hoàn thiện sẽ tạo nên sự ổn định, tính chắc chắn và niềm tin cho các bên tham gia giao dịch, từ đó, sẽ thúc đẩy họ tham gia nhiều và sâu hơn vào thị trường này.



Thế giới đang chuyển từ tư duy “bù đắp” sang “đóng góp thực chất”. Carbon thường được nhìn nhận như một chi phí tuân thủ, nhưng một số doanh nghiệp đã bắt đầu coi đây là một yếu tố tạo lợi thế cạnh tranh hoặc một nguồn doanh thu mới.

Theo ông, trong điều kiện hiện nay, đâu là cơ hội có thể chuyển hóa thành giá trị tài chính rõ ràng nhất đối với doanh nghiệp Việt Nam?

Để nắm bắt cơ hội đó, doanh nghiệp cần có những năng lực tối thiểu nào? Liệu cơ hội này chỉ dành cho các doanh nghiệp lớn, hay vẫn có không gian cho doanh nghiệp vừa và nhỏ?

Có thể thấy việc thay đổi tư duy, cách tiếp cận từ “chi phí tuân thủ” sang “cơ hội tạo lợi thế cạnh tranh hoặc một nguồn doanh thu mới” có thể được coi là một sự thay đổi nhận thức mang tính chiến lược, giúp tăng cường sự quan tâm, đầu tư và tham gia của doanh nghiệp vào thị trường carbon. Do đó, câu hỏi mà doanh nghiệp nên đặt ra, theo tôi, không phải là mình đã giảm được phát thải bao nhiêu hay tạo ra và bán được bao nhiêu tín chỉ carbon, mà nên là mỗi tấn carbon giảm được hoặc một tín chỉ carbon được tạo ra thì giá trị của chúng nằm ở đâu trong mô hình kinh doanh của doanh nghiệp, để từ đó, có sự hoạch định chính xác về chiến lược và kế hoạch kinh doanh của mình.

Một số cơ hội lớn mà doanh nghiệp có thể có được là: i) giảm chi phí, giảm phát thải trên một đơn vị sản phẩm; ii) tăng cường khả năng đáp ứng yêu cầu của đối tác nước ngoài, trong đó có thị trường EU và một số thị trường khác đang xem xét áp dụng cơ chế điều chỉnh biên giới carbon; iii) cơ hội để trở thành nhà cung cấp chiến lược trong chuỗi giá trị toàn cầu; iv) tăng doanh thu trên cơ sở trao đổi tín chỉ carbon mà doanh nghiệp tạo ra; v) tiếp cận nguồn tài chính xanh và giảm các rủi ro tài chính...

Những năng lực tối thiểu mà doanh nghiệp cần phải có là: i) năng lực đo lường; ii) năng lực quản trị dữ liệu và MRV; iii) năng lực xây dựng các phương án kinh doanh có liên quan; iv) năng lực đàm phán, giao kết và thực hiện hợp đồng; v) năng lực lựa chọn đối tác; và vi) năng lực truyền thông, marketing.

Nếu nói theo một cách gần với thực tiễn doanh nghiệp nhất, hiện nay có những cách tiếp cận chính nào để một doanh nghiệp tại Việt Nam có thể tạo ra và đưa tín chỉ carbon ra thị trường?

Và từ góc độ thực tiễn tại Việt Nam, đâu là hướng đi phù hợp nhất để doanh nghiệp có thể bắt đầu một cách hiệu quả và hạn chế rủi ro?

Theo những cơ chế hiện có tại Việt Nam và thế giới, có một số con đường mà doanh nghiệp có thể triển khai.

Phát triển dự án theo cơ chế tín chỉ carbon trong nước. Với cách này, doanh nghiệp sẽ xây dựng chương trình hoặc dự án theo phương pháp tạo tín chỉ carbon do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam ban hành. Theo Thông tư số 11/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, tín chỉ carbon được tạo ra theo cơ chế trao đổi, bù trừ trong nước phải được đăng ký trên Hệ thống đăng ký quốc gia. Bộ Nông nghiệp và Môi trường sẽ thực hiện cấp mã trong nước và ghi nhận chủ sở hữu của tín chỉ carbon trước khi tín chỉ carbon đó tham gia thị trường. Hướng đi này phù hợp với các doanh nghiệp sẽ trao đổi, giao dịch tín chỉ carbon ở thị trường trong nước, hoặc doanh nghiệp muốn thực hiện đóng góp khí hậu tự nguyện hoặc bên mua muốn sử dụng tín chỉ carbon tại Việt Nam.

Phát triển dự án theo tiêu chuẩn carbon tự nguyện quốc tế. Với cách này, doanh nghiệp có thể lựa chọn một tiêu chuẩn, chương trình và phương pháp tính toán quốc tế phù hợp với dự án của mình. Tuy nhiên, việc tín chỉ carbon được cấp và xác minh theo một tiêu chuẩn tự nguyện quốc tế không đồng nghĩa với việc doanh nghiệp có thể tự do giao dịch quốc tế đối

với tín chỉ carbon đó. Tại Việt Nam, các giao dịch này phải tuân thủ quy định của Nghị định số 112/2026/NĐ-CP ngày 19/3/2026 của Chính phủ về trao đổi quốc tế kết quả giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và tín chỉ carbon.

Tham gia cơ chế hợp tác quốc tế theo Điều 6 Thỏa thuận Paris với hai cơ chế theo Điều 6.2 hoặc Điều 6.4. Cơ chế theo Điều 6.2 hình thành dựa trên thỏa thuận hợp tác song phương hoặc đa phương giữa Việt Nam với một quốc gia đối tác, như thỏa thuận giữa Việt Nam và

Hiện nay, doanh nghiệp Việt Nam có thể tiếp cận những thị trường nào để giao dịch tín chỉ carbon, và điều kiện để tín chỉ được chấp nhận là gì?

Đồng thời, những yếu tố nào quyết định giá trị của một tín chỉ carbon, và doanh nghiệp cần lưu ý gì để tránh kỳ vọng sai về giá và khả năng thương mại hóa?

Hiện nay, thế giới chưa hình thành một thị trường carbon toàn cầu thống nhất với mức giá giao dịch chung. Do đó, tùy thuộc vào từng quốc gia, doanh nghiệp có thể tham gia vào một số thị trường khác nhau.

Từ góc độ của Việt Nam, doanh nghiệp có thể tham gia vào một số thị trường chính, như: i) thị trường carbon trong nước, đang được thí điểm từ

tháng 6/2026; ii) thị trường carbon tự nguyện quốc tế; iii) thị trường hình thành từ sự hợp tác quốc tế theo Điều 6 Thỏa thuận Paris; iv) một số thị trường ngành, như thị trường CORSIA của ngành hàng không quốc tế.

Về giá trị của tín chỉ carbon, có một số yếu tố có thể tác động đến việc xác định giá trị, là: i) mục đích sử dụng của tín chỉ; ii) loại hoạt động; iii) tính bổ sung và lâu dài; iv) chất lượng MRV; v) niên hạn tín chỉ; vi) sự chấp thuận của quốc gia nơi tín chỉ carbon được tạo ra; vii) các lợi ích đi kèm; viii) quy mô và điều kiện hợp đồng; ix) uy tín của dự án và các bên tham gia.

Có một số lưu ý để tránh những kỳ vọng sai về giá và khả năng thương mại hóa tín chỉ carbon, như: một tấn carbon giảm được không đồng nghĩa với một tín chỉ carbon có thể bán được, từ đó, cần phải tính toán được chính xác lượng tín chỉ carbon được tạo ra; giá tín chỉ carbon phụ thuộc vào nhiều yếu tố và chưa có sự liên kết rõ ràng với giá tín chỉ carbon trên thị trường quốc tế, do đó, không nên kỳ vọng dự án của mình sẽ bán được với giá đang giao dịch trên thị trường.

“

Câu hỏi mà doanh nghiệp nên đặt ra không phải là mình đã giảm được phát thải bao nhiêu hay tạo ra và bán được bao nhiêu tín chỉ carbon, mà nên là mỗi tấn carbon giảm được hoặc một tín chỉ carbon được tạo ra thì giá trị của chúng nằm ở đâu trong mô hình kinh doanh của doanh nghiệp.

PGS. NGUYỄN NGỌC HÀ

Hệ thống đo lường, báo cáo và thẩm định (MRV) được coi là yếu tố sống còn nhằm đảm bảo tín chỉ carbon được công nhận.

Từ góc độ của ông, doanh nghiệp nên tổ chức hệ thống MRV như thế nào để vừa đảm bảo tuân thủ, vừa tránh đầu tư dàn trải, kém hiệu quả?

Đồng thời, đâu là phần doanh nghiệp bắt buộc phải tự xây dựng và đâu là phần có thể tìm kiếm sự hỗ trợ từ các nguồn lực bên ngoài?

Theo tôi, doanh nghiệp nên coi và sử dụng MRV như một hệ thống kiểm soát dữ liệu carbon theo thời gian thực, chứ không phải như một công cụ để lập báo cáo phát triển bền vững duy nhất một lần/năm.

Điều quan trọng là cần phải xây dựng được một hệ thống MRV phù hợp với mục đích sử dụng của doanh nghiệp, tránh đầu tư dàn trải, gây lãng phí nguồn lực. Một số chức năng, mang tính chất tinh gọn, cho hệ thống MRV mà doanh nghiệp có thể lưu ý là: xác định chức năng quản trị và chịu trách nhiệm; xác định ranh giới và nguồn phát thải; lập bản đồ dữ liệu; phương pháp tính và lựa chọn hệ số phát thải chính xác, phù hợp; kiểm soát chất lượng; thiết lập hồ sơ minh chứng và tăng cường khả năng thẩm định.

Phần doanh nghiệp bắt buộc phải thực hiện bao gồm: trách nhiệm quản trị, xác định ranh giới hoạt động, dữ liệu gốc, kiểm soát nội bộ, hồ sơ bằng chứng, quyết định đầu tư. Đối với phần về tính toán, doanh nghiệp có thể thuê ngoài.

Một số quốc gia, khu vực đang áp dụng cơ chế điều chỉnh biên giới carbon. Theo ông, doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam cần phải làm gì trong trường hợp xuất khẩu vào các thị trường này?

Hiện nay, EU đã chính thức áp dụng cơ chế CBAM. Một số quốc gia khác như Australia, Vương quốc Anh, Hoa Kỳ... đang cân nhắc để xem xét áp dụng cơ chế tương tự. Các cơ chế điều chỉnh biên giới carbon được áp dụng sẽ có tác động mạnh đến những mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam trong phạm vi điều chỉnh. Do đó, doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam cần lưu ý:

- Xác định mặt hàng xuất khẩu của doanh nghiệp có thuộc phạm vi điều chỉnh của các cơ chế điều chỉnh biên giới carbon có liên quan không;
- Tính toán lượng phát thải hàm chứa ở cấp sản phẩm;
- Xây dựng và cung cấp dữ liệu chính xác, thực tế để tránh bị sử dụng giá trị mặc định bất lợi;
- Trao đổi sớm với nhà nhập khẩu và lưu ý đàm phán hợp đồng để tránh những điều khoản bất lợi trong hợp đồng.

Trong trường hợp doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc tuân thủ, doanh nghiệp nên sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp của một số đơn vị có chuyên môn tại Việt Nam.

Nếu đặt mình vào vị trí một doanh nghiệp sản xuất hoặc xuất khẩu tại Việt Nam, trong 12–24 tháng tới, ông sẽ ưu tiên thực hiện 3 việc gì đầu tiên để chuẩn bị cho việc tham gia thị trường carbon một cách hiệu quả?

Tùy thuộc vào loại hình doanh nghiệp và mức độ tham gia mà doanh nghiệp có thể xem xét, cân nhắc các hành động cần triển khai một cách phù hợp. Nói cách khác, hành động cần triển khai giữa một doanh nghiệp sản xuất, một doanh nghiệp thực hiện các dự án tạo tín chỉ carbon hay doanh nghiệp xuất khẩu là không hoàn toàn giống nhau. Tuy nhiên, có một số vấn đề chung mà các doanh nghiệp cần phải thực sự lưu ý, đó là:

- Nghiên cứu kỹ lưỡng khung pháp lý điều chỉnh về thị trường;
- Chuẩn bị về nhận thức, kiến thức và sẵn sàng hành động;
- Thực hiện đầu tư đúng, đủ và hiệu quả.



THE CARBON MARKET: THE BIG PICTURE - WHAT OPPORTUNITIES LIE AHEAD FOR VIETNAMESE ENTERPRISES?

Dear VRONTIER readers,

As emission-reduction requirements and supply chain transparency increasingly become the new rules of international trade, the carbon market is no longer an experimental concept - it is emerging as a mechanism for allocating cost and value across the global economy. For Vietnamese enterprises, this shift represents both a compliance pressure and an opportunity to convert emission-reduction efforts into tangible economic value.

In this issue of VRONTIER, we had the opportunity to speak with Assoc. Prof. Nguyen Ngoc Ha to shed light on the bigger picture: what opportunities and challenges the carbon market presents for Vietnamese businesses, and how companies should prepare to keep pace with this rising tide.

The carbon market is gradually taking shape as a component of international trade, yet the number of carbon credit projects in Vietnam remains limited.

In your view, what is the single biggest bottleneck preventing many interested businesses from truly engaging with this market? Does it stem from awareness, internal capacity, implementation and compliance costs, or some other factor? And which of these, in your opinion, needs to be addressed first?

Following extensive efforts by government agencies, enterprises and other relevant stakeholders, Vietnam's carbon market entered its pilot operation phase on 29 June 2026, with the launch of the domestic carbon exchange as a platform for trading greenhouse gas emission allowances and carbon credits. With 110 facilities allocated emission allowances for the 2025–2026 period and 92 organisations already registered with the Hanoi Stock Exchange (HNX), this marks the starting point for the development of Vietnam's carbon market, one that is expected to generate wide-ranging benefits for socio-economic development, environmental protection, and climate action, both domestically and internationally.

However, the development of Vietnam's carbon market still faces several bottlenecks that keep many



Assoc. Prof. NGUYEN NGOC HA

Vice Rector of the School of Law and Political Science, Foreign Trade University (FTU), Hanoi.

Mediator, Vietnam International Commercial Mediation Center (VICMC).

Member, Association Droit & Commerce (France).

Associate Researcher, Chaire NEME, Université Laval (Canada).

Expert Scholar in WTO law, international trade, FTAs, sustainable development, and innovation.

National Consultant for projects of the World Bank, EU, USAID, NAFOSTED, IISD, and other international organisations.

enterprises from engaging more deeply in this high-potential arena. The main constraints include: (i) a legal framework that still requires refinement; (ii) limited measurement and data capacity; (iii) investment costs; and (iv) insufficient awareness.

One of the most significant bottlenecks is the legal framework governing the carbon market. Vietnam has made considerable efforts to build and refine its carbon market regulations. However, a number of areas still require further study, and corresponding regulations still need to be issued, amended or supplemented, including: the legal classification of emission allowances and carbon credits; ownership rights over certain specialised categories of carbon credits, including forest carbon credits and, potentially, blue carbon credits in the future, so as to safeguard the interests of all stakeholders

involved; contractual mechanisms; the eligibility of carbon credits as collateral; price discovery mechanisms; trading methods; verification of the accuracy of emission-reduction results; mechanisms enabling credit holders, whether organisations or individuals, to participate in market trading; and dispute-resolution mechanisms. A complete legal framework will provide stability, certainty and confidence for market participants, thereby encouraging broader and deeper engagement in this market.

The world is shifting from an “offsetting” mindset towards one of “climate contribution”. Carbon is typically viewed as a compliance cost, yet some businesses have already begun to treat it as a source of competitive advantage or a new revenue stream.

In today's context, where do you see the clearest opportunity for Vietnamese enterprises to convert carbon action into tangible financial value?

What minimum capabilities does a company need to seize that opportunity? And is this opportunity reserved for large corporations, or is there room for small and medium-sized enterprises as well?

Shifting the mindset from viewing carbon as a “compliance cost” to viewing it as “an opportunity to build competitive advantage or generate new revenue” can be considered a strategic change in perception, one that strengthens enterprises' interest in, investment in, and participation in the carbon market. In my view, the question a company should be asking is not how much it has reduced emissions by, or how many carbon credits it has generated and sold, but rather: where does the value of each tonne of carbon reduced, or each credit created, actually sit within its business model. Only with that understanding can a company build an accurate strategy and business plan.

Several major opportunities are available to enterprises, including: (i) lower costs and reduced emissions per unit of product; (ii) enhanced ability to meet the requirements of overseas partners, including the EU and several other markets that are considering or have adopted carbon border adjustment mechanisms; (iii) the opportunity to become a strategic supplier within global value chains; (iv) additional revenue generated through the trading of self-created carbon credits; and (v) improved access to green finance and reduced financial risk.

The minimum capabilities enterprises need to build include: (i) measurement capacity; (ii) data governance and MRV (Measurement, Reporting and Verification) capacity; (iii) the ability to develop related business plans; (iv) negotiation and contract-management

capacity; (v) the ability to select the right partners; and (vi) communication and marketing capacity.



Speaking in terms most relevant to business practice, what are the main pathways currently available for a Vietnamese enterprise to generate and bring carbon credits to market?

And from a practical standpoint in Vietnam, which pathway offers the most effective and lowest-risk starting point?

Under the mechanisms currently available in Vietnam and internationally, enterprises have several pathways to choose from.

Developing projects under Vietnam's domestic carbon credit mechanism. Under this pathway, an enterprise designs a programme or project following a crediting methodology issued by the competent Vietnamese state authority. Under Circular No. 11/2026/TT-BNNMT issued by the Ministry of Agriculture and Environment, carbon credits generated under the domestic trading and offsetting mechanism must be registered on the National Registry System. The Ministry of Agriculture and Environment will assign a domestic credit code and record the credit's ownership before it can enter the market. This pathway suits enterprises intending to trade credits within the domestic market, those seeking to make voluntary climate contributions, or buyers wishing to use credits generated in Vietnam.

Developing projects under international voluntary carbon standards. Under this pathway, an enterprise may select an international standard, programme and calculation methodology suited to its project. However, having credits issued and verified under an international voluntary standard does not automatically grant the enterprise the right to freely trade those credits internationally. In Vietnam, such transactions must

comply with Decree No. 112/2026/ND-CP, dated 19 March 2026, on the international exchange of greenhouse gas mitigation results and carbon credits.

Participating in international cooperation mechanisms under Article 6 of the Paris Agreement, through either Article 6.2 or Article 6.4. The Article 6.2 mechanism is established through bilateral or multilateral cooperation agreements between Vietnam and partner countries, such as the agreement signed between Vietnam and Singapore in September 2025. The Article 6.4 mechanism, by contrast, operates under the international oversight of the Paris Agreement, requiring that any programme or project first be approved by the competent Vietnamese state authority before registration.

Which markets can Vietnamese enterprises currently access to trade carbon credits, and what conditions must be met for a credit to be accepted?

At the same time, what factors determine the value of a carbon credit, and what should enterprises keep in mind to avoid unrealistic expectations about pricing and commercial potential?

At present, no single, unified global carbon market with a common trading price has yet emerged. Enterprises' market access therefore varies depending on their country of operation.

From Vietnam's perspective, enterprises can currently access several key markets, namely: (i) the domestic carbon market, which has been in pilot operation since

June 2026; (ii) the international voluntary carbon market; (iii) markets formed through international cooperation under Article 6 of the Paris Agreement; and (iv) certain sector-specific markets, such as CORSIA (the Carbon Offsetting and Reduction Scheme for International Aviation).

Regarding the value of a carbon credit, several factors influence its pricing, including: (i) the intended use of the credit; (ii) the type of underlying activity; (iii) additionality and permanence; (iv) the quality of the MRV process; (v) the credit's vintage; (vi) host-country authorisation for the credit; (vii) associated co-benefits; (viii) the scale and terms of the contract; and (ix) the credibility of the project and the parties involved.

There are several important points enterprises should bear in mind to avoid unrealistic expectations regarding price and commercial potential: a tonne of carbon reduced does not automatically equate to a saleable carbon credit accurately quantifying the volume of credits actually generated is essential; credit prices depend on numerous factors and are not yet clearly linked to prices on international carbon markets, so enterprises should not expect their projects to command prices equivalent to those currently traded internationally.

“

The question a company should be asking is not how much it has reduced emissions by, or how many carbon credits it has generated and sold, but rather: where does the value of each tonne of carbon reduced, or each credit created, actually sit within its business model.

Assoc. Prof. NGUYEN NGOC HA

Measurement, Reporting and Verification (MRV) systems are widely regarded as the lifeblood of carbon credit recognition.

From your perspective, how should enterprises structure their MRV systems to ensure compliance while avoiding excessive, inefficient investment?

And which components must enterprises build in-house, versus which can be outsourced to external resources?

In my view, enterprises should treat and use MRV as a real-time carbon data control system, rather than as a tool for producing a single annual sustainability report.

What matters most is building an MRV system tailored to the enterprise's specific purpose, avoiding wasteful, over-diversified investment. Enterprises should focus on a set of lean, essential MRV functions, including: defining governance and accountability structures; establishing emission boundaries and sources; mapping data flows; selecting accurate and appropriate calculation methods and emission factors; ensuring quality control; and maintaining supporting documentation to strengthen verification readiness.

Components that enterprises must handle in-house include: governance responsibility, defining operational boundaries, primary data, internal controls, documentary evidence, and investment decisions. The calculation component, on the other hand, can be outsourced.



Several countries and regions are now implementing carbon border adjustment mechanisms. In your view, what should Vietnamese exporters do when shipping goods to these markets?

The EU has already formally implemented its Carbon Border Adjustment Mechanism (CBAM). Several other countries, including Australia, the United Kingdom and the United States, are considering similar mechanisms. Once applied, these mechanisms will significantly affect Vietnamese export goods falling within their scope. Vietnamese exporters should therefore pay close attention to the following:

- Determining whether their exported goods fall within the scope of relevant carbon border adjustment mechanisms;
- Calculating embedded emissions at the product level;
- Building and providing accurate, verifiable data to avoid being assigned unfavourable default values;
- Engaging early with importers and carefully negotiating contract terms to avoid unfavourable clauses.

Where compliance proves challenging, enterprises are advised to engage professional advisory services from qualified providers in Vietnam.

If you were in the position of a manufacturing or exporting enterprise in Vietnam, what three priority actions would you take over the next 12–24 months to prepare for effective participation in the carbon market?

The appropriate course of action depends on the type of enterprise and its intended level of participation. In other words, the priorities for a manufacturing company, a carbon credit project developer, and an exporting company are not entirely the same. That said, there are several common priorities that all enterprises should genuinely take to heart:

- Thoroughly studying the legal framework governing the market;
- Building awareness, knowledge, and readiness to act;
- Making the right investments at the right scale, and with genuine effectiveness.



Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu /
List of goods prohibited from export and import

DANH MỤC HÀNG HÓA CẤM XUẤT KHẨU, CẤM NHẬP KHẨU	
THEO NGHỊ ĐỊNH 292/2026/NĐ-CP	
Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý ngoại thương	
10 NHÓM HÀNG HÓA CẤM XUẤT KHẨU	23 NHÓM HÀNG HÓA CẤM NHẬP KHẨU
1 Vũ khí, đạn dược, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và trang thiết bị quân sự	1 Vũ khí, đạn dược, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và trang thiết bị quân sự
2 Pháo các loại (trừ pháo hiệu an toàn hàng hải theo quy định)	2 Pháo các loại (trừ pháo hiệu an toàn hàng hải theo quy định)
3 Hóa chất thuộc danh mục cấm	3 Hóa chất thuộc danh mục cấm
4 Kim cương thô không đáp ứng Quy chế chứng nhận Kimberley	4 Kim cương thô không đáp ứng Quy chế chứng nhận Kimberley
5 Thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng và các sản phẩm thuốc điện tử	5 Thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng và các sản phẩm thuốc điện tử
6 Thuốc, nguyên liệu làm thuốc thuộc danh mục cấm	6 Thuốc, nguyên liệu làm thuốc thuộc danh mục cấm
7 Mẫu vật động vật, thực vật hoang dã thuộc diện cấm theo Công ước CITES	7 Mẫu vật động vật, thực vật hoang dã thuộc diện cấm theo Công ước CITES
8 Xuất bản phẩm cấm phổ biến	8 Xuất bản phẩm cấm phổ biến
9 Sản phẩm văn hóa bị cấm lưu hành	9 Sản phẩm văn hóa bị cấm lưu hành
10 Chất thải, phế liệu, chất thải phóng xạ thuộc diện cấm	10 Chất thải, phế liệu, chất thải phóng xạ thuộc diện cấm
11 Hàng tiêu dùng đã qua sử dụng	11 Hàng tiêu dùng đã qua sử dụng
12 Phương tiện đi qua và dùng thuộc diện cấm nhập khẩu	12 Phương tiện đi qua và dùng thuộc diện cấm nhập khẩu
13 Thiết bị điện tử đã qua sử dụng	13 Thiết bị điện tử đã qua sử dụng
14 Hàng dệt may, quần áo đã qua sử dụng	14 Hàng dệt may, quần áo đã qua sử dụng
15 Gây ô nhiễm môi trường	15 Gây ô nhiễm môi trường
16 Hàng điện tử đã qua sử dụng	16 Hàng điện tử đã qua sử dụng
17 Ô nhiễm môi trường	17 Ô nhiễm môi trường
18 Thiết bị y tế đã qua sử dụng	18 Thiết bị y tế đã qua sử dụng
19 Các vật liệu khác thuộc diện cấm theo pháp luật chuyên ngành	19 Các vật liệu khác thuộc diện cấm theo pháp luật chuyên ngành
20 Hàng hóa bị cấm theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên	20 Hàng hóa bị cấm theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên
21 Sản phẩm, hàng hóa được khai thác, sản xuất hoặc chế tạo từ lao động bị cưỡng bức hoặc lao động không tự nguyện	21 Sản phẩm, hàng hóa được khai thác, sản xuất hoặc chế tạo từ lao động bị cưỡng bức hoặc lao động không tự nguyện
22 Sản phẩm, hàng hóa được khai thác, sản xuất hoặc chế tạo từ lao động bị cưỡng bức hoặc lao động không tự nguyện	22 Sản phẩm, hàng hóa được khai thác, sản xuất hoặc chế tạo từ lao động bị cưỡng bức hoặc lao động không tự nguyện
23 Sản phẩm, hàng hóa được khai thác, sản xuất hoặc chế tạo từ lao động bị cưỡng bức hoặc lao động không tự nguyện	23 Sản phẩm, hàng hóa được khai thác, sản xuất hoặc chế tạo từ lao động bị cưỡng bức hoặc lao động không tự nguyện

Chính phủ đã ban hành **Nghị định 292/2026/NĐ-CP** ngày 22/7/2026, quy định chi tiết việc thi hành Luật Quản lý ngoại thương, trong đó đáng chú ý là cập nhật Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu. Theo Phụ lục I, nhóm cấm xuất khẩu gồm vũ khí, vật liệu nổ, một số tài nguyên và mẫu vật thuộc diện bảo vệ, kim cương thô theo Quy trình Kimberley, thuốc lá điện tử và thuốc lá nung nóng. Ở chiều nhập khẩu, danh mục rộng hơn với hàng tiêu dùng, thiết bị y tế và một số sản phẩm công nghệ số đã qua sử dụng, một số phương tiện và vật tư đã qua sử dụng, hóa chất, chất thải phóng xạ, amiăng nhóm

amphibole cùng nhiều nhóm hàng thuộc diện quản lý chuyên ngành. Việc xác định cụ thể hàng hóa thuộc diện cấm sẽ căn cứ đồng thời vào mô tả hàng hóa và **mã HS do Bộ, cơ quan ngang Bộ có thẩm quyền công bố**.

Một thay đổi đáng chú ý là **cấm nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa được khai thác, sản xuất hoặc chế tạo toàn bộ hoặc một phần bởi hành vi cưỡng bức lao động**, phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Quy định này cho thấy quản lý ngoại thương đang mở rộng từ kiểm soát bản thân hàng hóa sang cả **điều kiện hình thành sản phẩm trong chuỗi cung ứng**. Đối với một số trường hợp đặc biệt được pháp luật cho phép xuất, nhập khẩu hàng hóa thuộc danh mục cấm, Nghị định đồng thời quy định hồ sơ và thủ tục cấp phép; cơ quan cấp phép có 5 ngày làm việc để xử lý kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Doanh nghiệp có kế hoạch xuất nhập khẩu từ tháng 9/2026 nên rà soát sớm danh mục hàng hóa, mã HS và yêu cầu quản lý chuyên ngành để tránh bị từ chối thủ tục, lưu cảng, tái xuất hoặc phát sinh chi phí ngoài dự kiến.

The Government has issued **Decree No. 292/2026/ND-CP** dated 22 July 2026, detailing the implementation of the Law on Foreign Trade Management, notably updating the List of Goods Prohibited from Export and Import. Under Appendix I, the export-prohibited category includes weapons, explosives, certain protected natural resources and specimens, rough diamonds under the Kimberley Process, and e-cigarettes and heated tobacco products. On the import side, the list is broader, covering consumer goods, medical equipment, certain used digital technology products, certain used vehicles and materials, chemicals, radioactive waste, amphibole-group asbestos, and numerous other categories subject to specialised management. The specific determination of goods falling within the prohibited category will be based on both the goods' description and the **HS code published by the competent ministries and ministerial-level agencies**.

A notable change is the **prohibition on importing products and goods that are wholly or partly mined, produced, or manufactured through forced labour**, in line with the international treaties to which Vietnam is a signatory. This provision indicates that foreign trade management is expanding beyond control of the goods themselves to encompass the **conditions under which products are created within the supply chain**. For certain special cases permitted by law to export or import goods on the prohibited list, the Decree also sets out the required documentation and licensing procedures; the licensing authority has 5 working days to process applications from the date of receiving a complete and valid dossier.

Businesses planning export-import activities from September 2026 should promptly review the relevant goods lists, HS codes, and specialised management requirements to avoid procedural rejection, port detention, re-export, or unforeseen costs.

Source: <https://baochinhphu.vn/quy-dinh-hang-hoa-cam-xuat-khau-cam-nhap-khau...>

 Hơn 2.400 cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê / Over 2,400 greenhouse gas - emitting facilities now required to conduct emissions inventories

Theo Quyết định 42/2026/QĐ-TTg, danh mục cơ sở phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính được cập nhật lên **2.441 cơ sở trên 6 lĩnh vực**, gồm năng lượng; giao thông vận tải; xây dựng; các quá trình công nghiệp; nông nghiệp, lâm nghiệp và sử dụng đất; chất thải. Trong đó, 1.916 cơ sở thuộc ngành Công Thương, 53 cơ sở thuộc lĩnh vực giao thông vận tải, 411 cơ sở thuộc lĩnh vực xây dựng và 61 cơ sở thuộc ngành Nông nghiệp và Môi trường. **Quyết định có hiệu lực từ 25/9/2026.**

Các cơ sở thuộc danh mục có trách nhiệm **xây dựng và nộp báo cáo kiểm kê khí nhà kính cấp cơ sở theo quy định tại Nghị định số 06/2022/NĐ-CP** (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP và Nghị định số 83/2026/NĐ-CP).

Cơ sở thuộc danh mục theo Quyết định 13/2024/QĐ-TTg nhưng không có tên trong danh mục cập nhật mới thì được miễn trừ nghĩa vụ nộp báo cáo kiểm kê khí nhà kính từ năm 2027, áp dụng đối với kỳ báo cáo số liệu kiểm kê năm 2026.

Việc kiểm kê không đơn thuần đáp ứng nghĩa vụ tuân thủ. Một báo cáo kiểm kê KNK được xây dựng bài bản, minh bạch, chuẩn mực chính là nền tảng để doanh nghiệp chủ động trong lộ trình giảm phát thải, sẵn sàng tham gia thị trường carbon và giữ vững vị thế trước các yêu cầu ngày càng khắt khe từ chuỗi cung ứng và thị trường xuất khẩu.

Under **Decision No. 42/2026/QĐ-TTg**, the list of facilities required to conduct greenhouse gas (GHG) inventories has been updated to **2,441 facilities across six sectors**: energy; transport; construction; industrial processes; agriculture, forestry and land use; and waste. Of these, 1,916 facilities fall under the Ministry of Industry and Trade, 53 under the transport sector, 411 under construction, and 61 under the Ministry of Agriculture and Environment. **The Decision takes effect from 25 September 2026.**

Listed facilities are responsible for **preparing and submitting facility-level GHG inventory reports in accordance with Decree No. 06/2022/ND-CP** (as amended and supplemented by Decree No. 119/2025/ND-CP and Decree No. 83/2026/ND-CP).

Facilities that were listed under Decision No. 13/2024/QĐ-TTg but do not appear on the newly updated list are exempted from the obligation to submit GHG inventory reports from 2027 onward, applicable to the 2026 inventory reporting period.

Conducting a GHG inventory is not merely a matter of regulatory compliance. A rigorously prepared, transparent, and standardised GHG inventory report is the foundation that enables a business to proactively manage its emissions-reduction pathway, position itself to participate in the carbon market, and maintain its standing amid increasingly stringent requirements from supply chains and export markets.

Source: <https://www.vietnamplus.vn/hon-2400-co-so-phat-thai-khi-nha-kinh-phai-thuc-hien-kiem-ke...>



Công bố Tiêu chuẩn Quốc gia về Tín chỉ carbon rừng / National Standard on Forest carbon credits announced

Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành **Quyết định số 3429/QĐ-BKHCN**, công bố **TCVN 14682:2026 – Tiêu chuẩn quốc gia về tín chỉ carbon rừng**, do Văn phòng Chứng nhận Quản lý rừng bền vững biên soạn.

Việc ban hành tiêu chuẩn đánh dấu một bước tiến đáng chú ý trong quá trình hoàn thiện nền tảng kỹ thuật cho các dự án carbon thuộc lĩnh vực lâm nghiệp và sử dụng đất tại Việt Nam. Đây cũng là cơ sở quan trọng để chuẩn hóa việc hình thành, xác định và quản lý tín chỉ carbon rừng trong bối cảnh thị trường carbon trong nước từng bước được vận hành.

Tuy nhiên, **có tài nguyên rừng chưa đồng nghĩa với việc có thể ngay lập tức tạo ra tín chỉ carbon đủ điều kiện giao dịch**. Để chuyển hóa tiềm năng hấp thụ và lưu giữ carbon của rừng thành giá trị kinh tế, một dự án cần đồng thời đáp ứng nhiều yêu cầu về kỹ thuật, quản trị và pháp lý.

Sự xuất hiện của TCVN 14682:2026 vì vậy không chỉ bổ sung thêm một tiêu chuẩn kỹ thuật, mà còn cho thấy quá trình **chuyển dịch carbon rừng từ giá trị sinh thái sang một loại tài sản có thể được đo lường, xác nhận và đưa vào thị trường** đang ngày càng rõ nét. Cơ hội kinh tế từ rừng sẽ phụ thuộc không chỉ vào quy mô tài nguyên, mà còn vào khả năng đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, dữ liệu, tính minh bạch và quản trị dự án.



Source: Vietnam Forest Certification Scheme (VFCS)

The Ministry of Science and Technology has issued **Decision No. 3429/QĐ-BKHCN**, promulgating **TCVN 14682:2026 – the National Standard on Forest Carbon Credits**, developed by the Sustainable Forest Management Certification Office.

The issuance of this standard marks a notable step forward in completing the technical foundation for carbon projects in the forestry and land-use sector in Vietnam. It also provides an important basis for standardising the creation, verification, and management of forest carbon credits, as the domestic carbon market is gradually being put into operation.

However, **possessing forest resources does not automatically translate into the ability to immediately generate carbon credits eligible for trading**. To convert a forest's carbon absorption and storage potential into economic value, a project must simultaneously satisfy a range of technical, governance, and legal requirements.

The emergence of TCVN 14682:2026 therefore represents more than just an additional technical standard; it also reflects the increasingly clear **transition of forest carbon from an ecological value into an asset class that can be measured, verified, and brought to market**. The economic opportunity presented by forests will depend not only on the scale of resources available, but also on the ability to meet requirements around standards, data, transparency, and project governance.

Source: <https://tieuchuan.vsqi.gov.vn/tieuchuan/view?sohieu=TCVN+14682...>

 Hàng hoá thương mại điện tử phải qua kiểm tra, giám sát của hải quan /
Cross-border e-commerce goods to undergo customs inspection and supervision



Từ **1/3/2027**, tổ chức, cá nhân mua bán hàng hóa xuyên biên giới qua thương mại điện tử sẽ phải thực hiện **định danh, xác thực điện tử**; hàng hóa giao dịch qua sàn phải chịu kiểm tra, giám sát hải quan, trong khi chủ sàn có trách nhiệm kết nối và chia sẻ dữ liệu với cơ quan Thuế, Hải quan. Đây là thay đổi đáng chú ý trong Luật sửa đổi, bổ sung Luật Hải quan, phản ánh xu hướng chuyển từ mô hình quản lý hồ sơ truyền thống sang **quản lý dựa trên dữ liệu số và phân tích rủi ro**.

Đối với các nền tảng thương mại điện tử, đặc biệt là sàn xuyên biên giới không có hiện diện trực tiếp tại Việt Nam, nghĩa vụ chia sẻ dữ liệu sẽ làm tăng mức độ minh bạch và khả năng truy xuất giao dịch. Song song đó, việc ứng dụng **AI** và **Big Data** được kỳ vọng giúp cơ quan Hải quan tự động đối soát dữ liệu người mua, người bán, đơn vị vận chuyển và tập trung kiểm tra các đơn hàng có dấu hiệu rủi ro, qua đó rút ngắn thời gian xử lý đối với giao dịch tuân thủ tốt. Tuy nhiên, hiệu quả thực tế sẽ phụ thuộc đáng kể vào mức độ chuẩn hóa dữ liệu, khả năng kết nối hệ thống và các quy định hướng dẫn cụ thể về quy trình, định danh và ngưỡng trị giá.

Doanh nghiệp và nền tảng có hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới nên sớm rà soát dữ liệu khách hàng, đơn hàng, kho vận và khả năng kết nối hệ thống để chủ động đáp ứng yêu cầu mới trước tháng 3/2027.

*From **1 March 2027**, organisations and individuals engaged in cross-border e-commerce trading will be required to complete **electronic identification and authentication**; goods transacted through e-commerce platforms will be subject to customs inspection and supervision, while platform operators will be responsible for connecting and sharing data with the Tax and Customs authorities. This is a notable change under the amended and supplemented Law on Customs, reflecting a shift from a traditional, documentation-based management model towards **management based on digital data and risk analysis**.*

*For e-commerce platforms, particularly cross-border platforms without a direct presence in Vietnam, the data-sharing obligation will increase transaction transparency and traceability. At the same time, the application of **AI** and **Big Data** is expected to help customs authorities automatically cross-check data on buyers, sellers, and shipping providers, concentrating inspection efforts on shipments displaying risk indicators and thereby shortening processing times for compliant transactions. Actual effectiveness, however, will depend significantly on the degree of data standardisation, system connectivity, and the specific implementing guidance on procedures, identification, and value thresholds.*

Businesses and platforms engaged in cross-border e-commerce should promptly review their customer, order, and logistics data, along with their system connectivity capabilities, to proactively meet the new requirements before March 2027.

Source: <https://vov.vn/kinh-te/hang-hoa-thuong-mai-dien-tu-phai-qua-kiem-tra-giam-sat-cua-hai-quan...>

ØRSTED VÀ CHIẾN LƯỢC “TÀI CHÍNH HÓA CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH KINH DOANH”

Khi phát triển bền vững trở thành đòn bẩy vốn và lợi thế cạnh tranh

ØRSTED and the “Financialised Business-Model Transformation” strategy: When sustainability becomes a capital lever and a competitive advantage



Ørsted không chỉ là nhà phát triển điện gió ngoài khơi lớn nhất thế giới, mà còn là một trong số rất ít doanh nghiệp năng lượng toàn cầu đã hoàn tất một cuộc chuyển đổi mô hình kinh doanh triệt để: từ DONG Energy – một tập đoàn dầu khí và nhiệt điện than của Đan Mạch – trở thành tập đoàn năng lượng tái tạo thuần túy mang tên Ørsted. Đây không phải một chiến dịch truyền thông xanh hóa thương hiệu, mà là một quyết định tái cấu trúc toàn bộ danh mục tài sản, dòng vốn và mô hình tăng trưởng, khởi động từ năm 2008 khi ban lãnh đạo tập đoàn nhận định mảng dầu khí thượng nguồn đang suy giảm và đe dọa trực tiếp đến khả năng sinh lời trong tương lai.

Câu hỏi đặt ra với Ørsted không phải là “có nên giảm phát thải hay không”, mà là: một tập đoàn dầu khí – nhiệt điện than có thể tái cấu trúc toàn bộ mô hình kinh doanh và bảng cân đối tài chính để trở thành người dẫn đầu ngành năng lượng sạch hay không, và làm điều đó bằng công cụ gì? Câu trả lời của Ørsted nằm ở việc biến các mục tiêu khí hậu khoa học (science-based targets) thành một bộ khung tài chính có thể kiểm chứng độc lập, gắn trực tiếp với trái phiếu, khoản vay và xếp hạng tín nhiệm – qua đó biến ESG từ một hạng mục báo cáo phi tài chính thành một biến số quyết định chi phí vốn và khả năng tiếp cận thị trường vốn quốc tế.

Ørsted is not merely the world's largest offshore wind developer - it is one of a small number of global energy companies to have completed a truly root-and-branch business-model transformation: from DONG Energy, a Danish oil, gas and coal-fired power group, into Ørsted, a pure-play renewable energy major. This was not a rebranding exercise dressed up in green marketing. It was a decision to restructure the entire asset portfolio, capital base and growth model of the company, set in motion in 2008 when leadership concluded that the group's declining upstream oil and gas business posed a direct threat to future profitability.

The question facing Ørsted was never “should we cut emissions?” It was: can an oil-and-coal conglomerate restructure its entire business model and balance sheet to become the world leader in clean energy - and with what instruments? Ørsted's answer was to translate science-based climate targets into an independently verifiable financial framework, wired directly into its bonds, loans and credit ratings - turning ESG from a non-financial reporting line item into a variable that determines the cost of capital and access to international capital markets.

1. Bắt đầu bằng quyết định tái cấu trúc mô hình kinh doanh: khi rủi ro khí hậu trở thành rủi ro tồn vong

It started with a decision to restructure the business model: when climate risk became existential risk



Source: orsted.com

Năm 2009, Ørsted (khi đó vẫn là DONG Energy) công bố mục tiêu giảm 50% phát thải CO₂ vào năm 2020 so với mốc cơ sở 2006. Mục tiêu này liên tục được nâng cấp: 78% vào năm 2020 và 96% vào năm 2023 – tương đương cường độ phát thải khoảng 20g CO₂e/kWh – và được Science Based Targets initiative (SBTi) phê duyệt chính thức, đưa Ørsted trở thành một trong những doanh nghiệp năng lượng đầu tiên trên thế giới có mục tiêu phát thải được công nhận là “dựa trên cơ sở khoa học”. Theo tính toán của tập đoàn, mục tiêu này đi trước 27 năm so với kịch bản 2°C mà Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) khuyến nghị cho ngành năng lượng.

In 2009, Ørsted (then still DONG Energy) announced a target to cut CO₂ emissions by 50% by 2020 against a 2006 baseline. The target was repeatedly raised: to 78% by 2020 and 96% by 2023, equivalent to a carbon intensity of roughly 20g CO₂e/kWh and was formally approved by the Science Based Targets initiative (SBTi), making Ørsted one of the first energy companies in the world to have its emissions target recognised as science-based. By the group's own calculations, the target was 27 years ahead of the 2°C pathway the International Energy Agency (IEA) had mapped out for the power sector.

Mục tiêu tham vọng chỉ có giá trị khi đi kèm hành động cấu trúc lại tài sản. Ørsted đã thoái toàn bộ mảng thăm dò – khai thác dầu khí thượng nguồn, cam kết chấm dứt sử dụng than tại toàn bộ nhà máy điện, đồng thời chuyển đổi các nhà máy nhiệt điện than – khí sang sử dụng sinh khối được chứng nhận bền vững. Đến năm 2024, Ørsted xác nhận đã đóng cửa nhà máy nhiệt điện than – đồng phát cuối cùng, hoàn tất cam kết loại bỏ than đưa ra từ nhiều năm trước. Tính từ năm gốc 2006, cường độ phát thải Phạm vi 1 và 2 đã giảm 98%, trong khi tỷ trọng năng lượng tái tạo trong tổng sản lượng tăng lên 99%.

An ambitious target only carries weight when matched by a restructuring of the underlying asset base. Ørsted divested its entire upstream oil and gas exploration and production business, committed to phasing out coal across all its power stations, and converted its coal- and gas-fired plants to certified sustainable biomass. By 2024, Ørsted confirmed it had closed its last coal-fired combined heat and power plant, fulfilling a coal phase-out commitment made years earlier. Measured against the 2006 baseline, Scope 1 and 2 emissions intensity has fallen 98%, while the renewable share of total output has risen to 99%.

2. Cơ chế “tài chính hóa” chiến lược khí hậu: khi Green Finance Framework thay thế các cam kết tự nguyện “Financialising” climate strategy: how the Green Finance Framework superseded voluntary pledges

Project	Capacity MW	Country	Project status	Construction period/year	Proceeds allocated 2025 (DKK bn)	Total proceeds allocated (DKK bn)	Power generation 2025 (GWh)	EU taxonomy-aligned
Offshore wind – EU taxonomy activity 4.5 Electricity generation from wind power								
Beltfros 2	1,496	PL	Under construction	2025-2027	2,437	2,437	-	✓
Hornsea 3	2,852	UK	Under construction	2023-2027	1,881	5,844	-	✓
Greater Changhua 4	503	TW	Under construction	2025-2026	-	10,352	54 ¹	✓
Revolution Wind	304	US	Under construction	2025-2026	4,400	14,997	-	✓
Borkum Riffgrund 3	913	DE	Under construction	2021-2026	-	1,520	46 ¹	✓
Code Wind 3	253	DE	In operation	2021-2025	1,900	4,844	836	✓
South Foli Wind	132	US	In operation	2022-2024	-	2,056	543	✓
Greater Changhua 1	505	TW	In operation	2016-2024	-	10,414	2,424	✓
Hornsea 2	1,320	UK	In operation	2016-2022	-	6,134	3,167	✓
Hornsea 1	1,216	UK	In operation	2016-2019	-	6,350	4,998	✓
Borkum Riffgrund 2	450	DE	In operation	2016-2018	-	2,149	1,352	✓
Race Bank	546	UK	In operation	2015-2018	-	400	2,055	✓
Widney Extension	659	UK	In operation	2015-2018	-	500	2,500	✓
Onshore wind – EU taxonomy activity 4.5 Electricity generation from wind power								
Bagger Wind	259	US	Under construction	2024-2026	400	1,352	-	✓
Falconary	43	IE	Under construction	2024-2026	-	116	-	✓
Bahnen West 3	50	DE	In operation	2023-2025	-	997	38	✓
Sunflower Wind	201	US	In operation	2022-2023	-	365	760	✓
Solar PV – EU taxonomy activity 4.1 Electricity generation using solar PV technology								
Corcoran	81	IE	Under construction	2023-2026	-	143	-	✓
Balkin	56	IE	Under construction	2024-2026	-	27	-	✓
Eleven Hills	300	US	In operation	2023-2024	-	3,394	840	✓
Oka 300	430	US	In operation	2021-2024	-	1,350	901	✓
Sparto Solar	250	US	In operation	2021-2024	-	800	453	✓
Mockingbird	471	US	In operation	2023-2024	-	1,269	933	✓
Battery energy storage systems (BESS) – EU taxonomy activity 4.10 Storage of electricity								
Hornsea 3 BESS (ICEN)	300	UK	Under construction	2024-2026	400	400	-	✓
Total allocation					11,418	76,510		

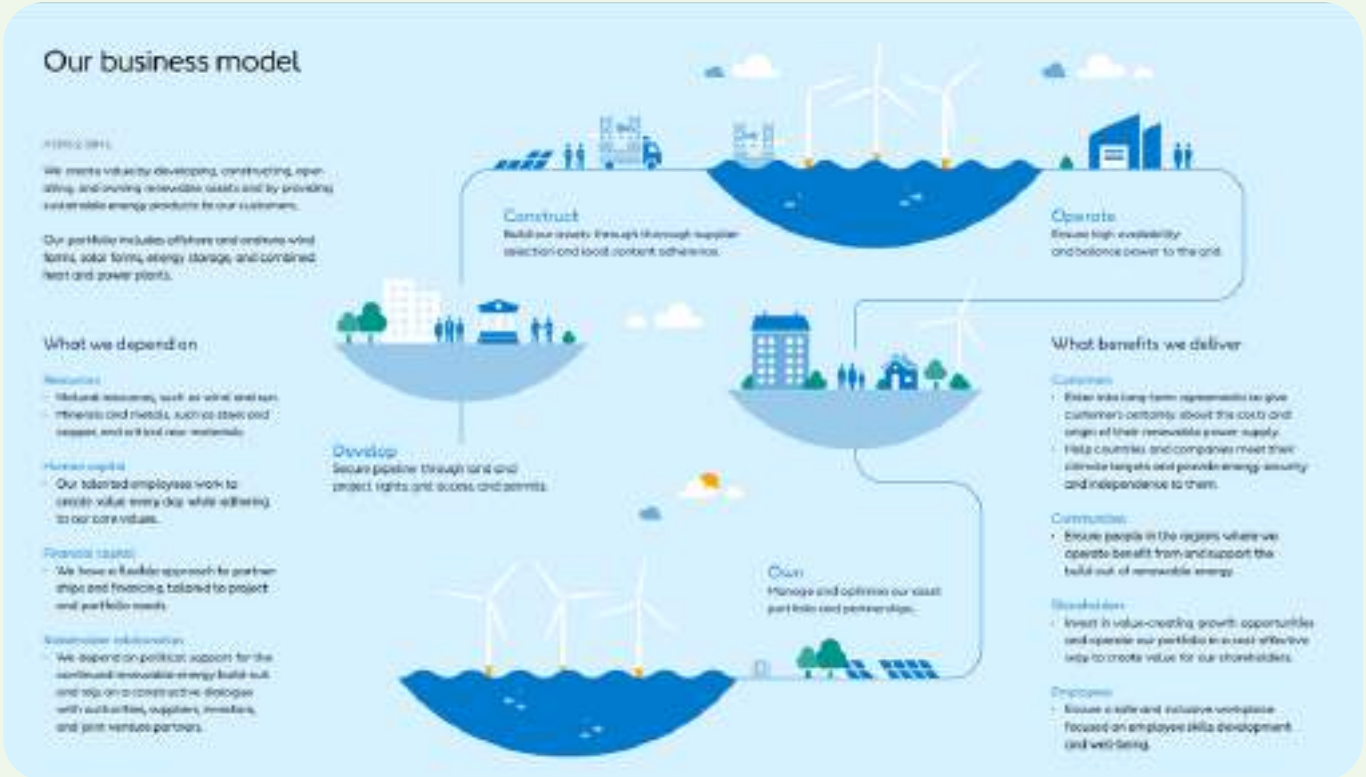
¹ Allocated proceeds only, not used for Ørsted's ownership share in the project, whereas capacity and generation are for the full project.
² Ramp-up power generation in 2025.
³ Falconary is a solar PV project with a combined power storage unit.

Projects with green bond allocations
Source: Ørsted's Green Finance Impact Report 2025

Cơ chế tương tự cũng được áp dụng với các khoản vay: khoản vay 525 triệu EUR với Export Finance Norway (Eksfin) và Danske Bank được giải ngân toàn bộ để mua hai trạm biến áp ngoài khơi cho dự án Hornsea 3 tại Anh; khoản vay 1,2 tỷ EUR với Ngân hàng Đầu tư châu Âu (EIB), gắn với chương trình RePowerEU của EU, tài trợ cho dự án Borkum Riffgrund 3 tại Đức. Nói cách khác, mỗi đồng vốn huy động đều có một tài sản xanh cụ thể đứng sau nó – biến cam kết ESG thành một cấu trúc vốn có thể kiểm toán, thay vì một tuyên bố định tính.

What sets Ørsted's ESG strategy apart from the majority of companies that confine emissions targets to a sustainability report is that it has embedded its entire climate strategy into its capital-raising architecture. Since 2017, 100% of new Ørsted bond issuances have been in green format, and by 2025, green bonds and green hybrid capital together accounted for 88% of the group's total outstanding bond and hybrid capital portfolio.

This mechanism goes well beyond simply labelling bonds “green”. Ørsted built its Green Finance Framework in line with the International Capital Market Association's (ICMA) Green Bond Principles and the 2025 Green Loan Principles, and the framework has consistently received a “dark green” shading from S&P Global Ratings – the highest tier on the agency's alignment scale. Crucially, every bond is traced to specific underlying projects: as of 2025, a cumulative DKK 83.2 billion in green bond proceeds has been allocated to 24 renewable energy projects since 2017, with the remaining DKK 11.4 billion allocated in 2025 alone across six offshore wind, onshore wind and energy storage projects.



Ørsted's business model
Source: Ørsted's Annual Report 2025

The same discipline applies to loan financing: a EUR 525 million facility with Export Finance Norway (Eksfin) and Danske Bank was drawn in full to purchase two offshore transformer platforms for the Hornsea 3 project in the UK; a EUR 1.2 billion facility with the European Investment Bank (EIB), aligned with the EU's RePowerEU programme, financed the Borkum Riffgrund 3 project in Germany. In other words, every unit of capital raised has a specific green asset standing behind it - turning an ESG commitment into an auditable capital structure rather than a qualitative statement of intent.

3. Hạ tầng minh bạch và kiểm chứng độc lập: phòng tuyến chống rủi ro “tẩy xanh” trên thị trường vốn

Transparency infrastructure and independent assurance: a defence line against greenwashing risk in capital markets

Với một tập đoàn huy động vốn quốc tế thường xuyên, rủi ro lớn nhất không phải là thiếu tham vọng khí hậu mà là thiếu khả năng chứng minh. Ørsted xử lý rủi ro này bằng cách thuê PricewaterhouseCoopers (PwC) thực hiện kiểm tra đảm bảo giới hạn (limited assurance) theo chuẩn mực quốc tế ISAE 3000 đối với toàn bộ dữ liệu phân bổ trái phiếu, khoản vay xanh và lượng phát thải tránh được (avoided emissions) trước khi công bố.

Phương pháp tính phát thải tránh được cũng được công khai chi tiết trong phụ lục kế toán: hệ số phát thải lưới điện quốc gia theo dữ liệu của IEA, điều chỉnh theo vòng đời sản phẩm dựa trên hệ số của IPCC, và tuân theo phương pháp luận GHG Protocol for Project Accounting cùng UNFCCC. Song song đó, 99% tổng chi phí đầu tư (CAPEX) năm 2025 của Ørsted được xác nhận phù hợp với Phân loại xanh của EU (EU Taxonomy), bao gồm cả tiêu chí “không gây hại đáng kể” (DNSH) và các bảo đảm tối thiểu về nhân quyền, chống tham nhũng.

Lớp minh bạch này được thị trường ghi nhận qua một loạt xếp hạng độc lập năm 2025: điểm A của CDP về khí hậu (năm thứ sáu liên tiếp), xếp hạng AAA của MSCI ESG, huy chương Vàng của EcoVadis (top 5% doanh nghiệp được đánh giá), vị trí thứ 9 trong Global 100 của Corporate Knights, và vị trí số 1 trong 13 doanh nghiệp điện lực được Trung tâm Tài nguyên Kinh doanh và Nhân quyền (BHRRC) xếp hạng. Đây chính là cơ chế mà lớp hạ tầng dữ liệu Cloud for Sustainability giúp Microsoft đạt được, hay các cuộc kiểm toán nhà máy của Apple hướng tới: biến dữ liệu ESG thành tài sản có thể kiểm chứng, chứ không phải một tuyên bố truyền thông.

For a company that raises capital in international markets on a recurring basis, the greatest risk is not a lack of climate ambition but a lack of provability. Ørsted manages this risk by engaging PricewaterhouseCoopers (PwC) to perform limited assurance under the international standard ISAE 3000 over all data on green bond and loan allocations and avoided emissions prior to publication.

The methodology behind its avoided-emissions calculations is likewise disclosed in full in the accounting appendix: national grid emission factors sourced from the IEA, adjusted for life-cycle impact using IPCC coefficients, and applied in accordance with the GHG Protocol for Project Accounting and UNFCCC methodology. In parallel, 99% of Ørsted's total 2025 capital expenditure (CAPEX) was confirmed to be aligned with the EU Taxonomy, including the “do no significant harm” (DNSH) criteria and minimum safeguards on human rights and anti-corruption.

This layer of transparency is recognised by the market through a series of independent 2025 ratings: an A score from CDP on climate (a sixth consecutive year), an AAA rating from MSCI ESG, a Gold medal from EcoVadis (placing Ørsted in the top 5% of companies assessed), 9th place in Corporate Knights' Global 100, and 1st place among 13 electric utilities ranked by the Business & Human Rights Resource Centre (BHRRC). This is, functionally, the same mechanism that Microsoft's Cloud for Sustainability data infrastructure and Apple's factory audit programme aim to deliver: converting ESG data into a verifiable asset, rather than a communications claim.

4. Mở rộng biên độ ESG: từ trung hòa carbon sang tác động dương với đa dạng sinh học và cộng đồng

Widening the ESG frontier: from carbon neutrality to net-positive impact on biodiversity and communities

Sau khi đạt được các cột mốc lớn về giảm phát thải, Ørsted mở rộng khung mục tiêu sang hai trụ cột còn lại: đa dạng sinh học và cộng đồng, với tham vọng tạo tác động dương (net-positive) về đa dạng sinh học cho tất cả dự án được khởi công từ năm 2030. Năm 2024, tập đoàn công bố Biodiversity Measurement Framework, xây dựng cùng The Biodiversity Consultancy và tham chiếu các khung quốc tế như Science Based Targets Network (SBTN) và Taskforce on Nature-related Financial Disclosures (TNFD).

Tại Hornsea 3 (Anh), Ørsted phối hợp cùng Natural England và RSPB xây tổ nhân tạo cho loài mòng bể chân đen dễ tổn thương, ghi nhận cặp chim đầu tiên sinh sản thành công năm 2024 và thêm bốn cặp trong năm 2025; tại Gode Wind 3 (Đức), công nghệ đóng cọc ít tiếng ồn Osonic được thương mại hóa lần đầu, giảm khoảng 99% tiếng ồn dưới nước, hạn chế tác động lên động vật biển có vú. Tại Baltica 2 (Ba Lan), Quỹ Phúc lợi Cộng đồng do Ørsted cùng các nhà phát triển khác lập ra đã hỗ trợ 254 sáng kiến địa phương tại Choczewo trong bốn năm; tại Đức, chương trình đào tạo nghề "Into Green Future" (3,5 năm, đồng tài trợ từ 2023) chuẩn bị lực lượng kỹ thuật viên vận hành – bảo trì điện gió cho khu vực Biển Bắc. Đáng chú ý, Ørsted còn phát hành trái phiếu xanh dương (blue bond) trị giá 100 triệu EUR – trái phiếu xanh dương đầu tiên của ngành – dành riêng cho các sáng kiến bảo vệ hệ sinh thái biển, cho thấy công cụ tài chính xanh tiếp tục mở rộng song song với phạm vi cam kết ESG.

Having reached its major emissions-reduction milestones, Ørsted has extended its target framework to two further pillars: biodiversity and community impact, with an ambition to deliver a net-positive biodiversity impact for every project commissioned from 2030 onward. In 2024, the group launched its Biodiversity Measurement Framework, developed with The Biodiversity Consultancy and referencing international frameworks including the Science Based Targets Network (SBTN) and the Taskforce on Nature-related Financial Disclosures (TNFD).

At Hornsea 3 (United Kingdom), Ørsted has partnered with Natural England and the RSPB to construct artificial nesting structures for the vulnerable black-legged kittiwake, with the first breeding pair successfully fledging chicks in 2024 and four additional pairs recorded in 2025. At Gode Wind 3 (Germany), the Osonic low-noise piling technology was commercially deployed for the first time, cutting underwater noise levels by approximately 99% and thereby limiting impacts on marine mammals. At Baltica 2 (Poland), the Community Benefit Fund established by Ørsted together with other project developers has supported 254 local initiatives in the municipality of Choczewo over four years. In Germany, the "Into Green Future" vocational training programme (a 3.5-year initiative co-funded since 2023) is building a pipeline of technicians for offshore wind operations and maintenance in the North Sea region. Notably, Ørsted has also issued a €100 million blue bond, recognised as the industry's first, dedicated specifically to marine ecosystem protection initiatives - evidence that green financial instruments continue to expand in tandem with the scope of the company's ESG commitments.

5. Kết quả kép và những giới hạn cần nhìn thẳng

A dual payoff and limitations worth confronting head-on

Green loans

Lender	Project	Facility amount EURm	Amount drawn EURm	Capacity MW	Power generation 2025 GWh	Avoided emissions ¹ Thousand tonnes, CO ₂ e/year
Eksfin	Hornsea 3	525	525 ²	2,852	–	127
EIB	Borkum Riffgrund 3	800	–	913	–	– ³

Eksfin

In 2024, we signed a GBP term loan facility agreement on the equivalent of EUR 525 million with Eksfin and Danske Bank, tied to the purchase of two transformer platforms for the Hornsea 3 Offshore Wind Farm.

EIB

In 2023, we signed the first EUR 400 million loan tranche and, in 2024, the second EUR 400 million tranche, under a total EUR 1.2 billion EIB agreement aligned with RePowerEU to support Europe's energy transition.

Source: Ørsted's Green Finance Impact Report 2025

Chiến lược này mang lại hai loại lợi ích cộng hưởng. Về mặt thị trường vốn, việc gắn ESG với cấu trúc trái phiếu – khoản vay giúp Ørsted tiếp cận nhóm nhà đầu tư tổ chức có yêu cầu khắt khe về tiêu chuẩn xanh, đồng thời củng cố vị thế trong đàm phán lãi suất khi nhu cầu trái phiếu xanh liên tục vượt cung trên thị trường quốc tế. Về mặt vận hành, tập đoàn vẫn duy trì được vị thế một trong những doanh nghiệp năng lượng có lợi nhuận cao nhất châu Âu trong giai đoạn chuyển đổi, cho thấy mục tiêu khí hậu và hiệu quả tài chính không loại trừ lẫn nhau khi được thiết kế đồng bộ.

Tuy nhiên, chính Ørsted cũng thẳng thắn nhìn nhận giới hạn của cách tiếp cận này. Ngay từ giai đoạn đầu, tập đoàn xác định việc lập bản đồ phát thải Phạm vi 3 là một thách thức lớn – tại thời điểm đó Phạm vi 3 chiếm chưa đến 40% tổng phát thải, nhưng được dự báo sẽ tăng tỷ trọng khi Phạm vi 1 và 2 tiếp tục giảm sâu. Tương tự, bà Emma Hospes, Trưởng chương trình Đa dạng sinh học của Ørsted, thừa nhận: khác với carbon, đa dạng sinh học “không có một thước đo duy nhất, và mỗi dự án cần xem xét những chỉ số khác nhau”, khiến việc thiết lập mục tiêu, đường cơ sở và đo lường tiến độ trở nên phức tạp hơn nhiều so với kế toán carbon. Đây là lời nhắc quan trọng: công cụ tài chính xanh giải quyết được bài toán minh bạch vốn, nhưng không tự động giải quyết được bài toán đo lường tác động phi carbon – doanh nghiệp cần đầu tư riêng cho năng lực đo lường này.

The strategy has generated two reinforcing sets of benefits. On the capital-markets side, embedding ESG into bond and loan structures has given Ørsted access to institutional investors with strict green-standard mandates, while strengthening its negotiating position on pricing at a time when demand for green bonds has consistently outstripped supply in international markets. On the operating side, the group has remained one of the most profitable energy companies in Europe throughout its transformation, evidence that climate targets and financial performance are not mutually exclusive when designed in tandem.

Ørsted itself, however, is candid about the limits of this approach. Early on, the group identified mapping Scope 3 emissions as a major challenge - at the time, Scope 3 accounted for less than 40% of total emissions, but was expected to grow in relative weight as Scope 1 and 2 continued to fall. Similarly, Emma Hospes, Head of the Biodiversity programme at Ørsted, has acknowledged that unlike carbon, biodiversity “does not have a single metric, and each project needs to consider different indicators,” which makes setting targets, establishing baselines and tracking progress considerably more complex than carbon accounting. This is an important reminder: green financial instruments solve the capital-transparency problem, but they do not automatically solve the problem of measuring non-carbon impact that requires a dedicated investment in measurement capability of its own.

6. Bài học cho doanh nghiệp Việt Nam Lessons for Vietnamese businesses

Ørsted là một case study đặc biệt phù hợp với bối cảnh Việt Nam hiện nay – khi thị trường trái phiếu xanh trong nước đang hình thành, khung phân loại xanh quốc gia đang được xây dựng, và làn sóng đầu tư điện gió ngoài khơi, điện mặt trời quy mô lớn đang cần huy động vốn quốc tế dài hạn. Bài học không nằm ở quy mô vốn hay tốc độ chuyển đổi, mà ở cách thiết kế ESG như một hạ tầng tài chính có thể kiểm chứng, thay vì một báo cáo song song với hoạt động kinh doanh cốt lõi:

Ørsted is a particularly relevant case study for Vietnam's current context - where a domestic green bond market is still taking shape, a national green taxonomy is under development, and a wave of large-scale offshore wind and solar investment requires long-term international capital. The lesson is not about the scale of capital or the speed of transition, but about designing ESG as a verifiable financial infrastructure, rather than a report that runs parallel to core business operations:

- **Gắn cam kết khí hậu với cấu trúc huy động vốn cụ thể:** Thay vì công bố mục tiêu net zero chung chung, doanh nghiệp nên xây dựng khung tài chính xanh nội bộ (green finance framework) tham chiếu theo ICMA Green Bond/Loan Principles hoặc tiêu chuẩn ASEAN Green Bond Standards, trong đó mỗi khoản vay hoặc trái phiếu huy động được gắn với một danh mục dự án, tài sản cụ thể có thể truy vết – điều kiện tiên quyết để tiếp cận vốn ưu đãi từ các định chế như EIB, ADB...
- **Đầu tư vào kiểm chứng độc lập trước khi công bố, không phải sau khi bị chất vấn:** Việc thuê kiểm toán độc lập đánh giá đảm bảo giới hạn (limited assurance) theo ISAE 3000 đối với dữ liệu phân bổ vốn và phát thải tránh được, dù tốn kém ban đầu, là khoản đầu tư giúp giảm đáng kể chi phí vốn về sau và là điều kiện bắt buộc với hầu hết nhà đầu tư tổ chức quốc tế khi thẩm định trái phiếu hoặc khoản vay xanh.
- **Chuẩn bị sớm cho Phạm vi 3 và các chỉ số phi carbon:** Bài học từ chính giới hạn của Ørsted là Phạm vi 3 và các tác động phi carbon (đa dạng sinh học, cộng đồng) luôn khó đo lường hơn Phạm vi 1–2 và cần được lên kế hoạch năng lực đo lường từ sớm, thay vì chờ đến khi bị đối tác hoặc nhà đầu tư yêu cầu.
- **Tie climate commitments to a concrete capital-raising structure:** Rather than announcing a generic net-zero target, companies should build an internal green finance framework referencing the ICMA Green Bond/Loan Principles or the ASEAN Green Bond Standards, under which every loan or bond raised is linked to a traceable portfolio of specific projects and assets - a prerequisite for accessing preferential financing from institutions such as the EIB, the ADB, etc.
- **Invest in independent assurance before disclosure, not after being challenged:** Engaging an independent auditor to perform limited assurance under ISAE 3000 over capital-allocation and avoided-emissions data is costly upfront, but it is an investment that materially lowers the cost of capital over time, and it is a near-universal requirement among international institutional investors when they conduct due diligence on green bonds or loans.
- **Prepare early for Scope 3 and non-carbon metrics:** The lesson from Ørsted's own limitations is that Scope 3 emissions and non-carbon impacts (biodiversity, community) are consistently harder to measure than Scope 1–2, and the capability to measure them should be planned for early, not built only once a partner or investor demands it.



GIẢI MÃ ESG – TỪ KHÁI NIỆM ĐẾN THỰC THI (#8)

ESG RATING: THƯỚC ĐO NIỀM TIN, CÔNG CỤ TÀI CHÍNH VÀ “BẦY DỮ LIỆU” CỦA DOANH NGHIỆP THỊ TRƯỜNG MỚI NỔI

ESG Rating: A measure of trust, a financial instrument, and the “data trap” facing emerging-market companies

Trong các cuộc trao đổi với nhà đầu tư quốc tế hay ngân hàng nước ngoài, không ít doanh nghiệp Việt Nam đã bất ngờ khi câu hỏi đầu tiên không phải là “báo cáo tài chính của anh/chị thế nào”, mà là “ESG Rating của công ty là bao nhiêu, do tổ chức nào thực hiện”. Với nhiều lãnh đạo doanh nghiệp, ESG vẫn được hiểu như một bộ tiêu chí đạo đức kinh doanh chung chung. Nhưng ESG Rating - phần “đo lường và định lượng” của khái niệm ESG lại vận hành theo logic hoàn toàn khác: đó là một cơ chế tài chính có phương pháp luận, có trọng số, và quan trọng nhất, có khả năng chuyển hóa trực tiếp thành chi phí vốn, điều kiện tín dụng hoặc tư cách tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu.

In conversations with international investors or foreign banks, more than a few Vietnamese businesses have been caught off guard when the first question is not “how does your financial statement look”, but rather “what is your company’s ESG Rating, and which agency issued it”. For many business leaders, ESG is still understood as a loosely defined set of business-ethics principles. Yet ESG Rating, the “measurement and quantification” dimension of the ESG concept, operates on an entirely different logic: it is a financial mechanism with its own methodology and weighting system, and, most importantly, one capable of translating directly into cost of capital, credit terms, or eligibility to participate in global supply chains.

1. “Điểm số” và “Xếp hạng”: Ranh giới kỹ thuật quyết định giá trị sử dụng “Score” versus “Rating”: A technical distinction that determines practical value

Một nhầm lẫn phổ biến là đánh đồng ESG Score (điểm số ESG) với ESG Rating (xếp hạng ESG) trong khi đây là hai đầu ra có bản chất và công dụng khác nhau. ESG Score là một giá trị số tuyệt đối, thường trên thang 0–100, phản ánh hiệu suất ESG của một doanh nghiệp tại một thời điểm. ESG Rating là một phân loại tương đối thể hiện dưới dạng hạng chữ (AAA đến CCC như MSCI), bậc rủi ro (thấp – trung bình – cao như Sustainalytics), hoặc huy chương (Đồng – Bạc – Vàng – Bạch kim như EcoVadis) cho biết doanh nghiệp đang đứng ở đâu so với các doanh nghiệp cùng ngành.

CCC	B	BB	BBB	A	AA	AAA
Laggard A company lagging its industry based on its high exposure and failure to manage significant sustainability risks		Average A company with a mixed or an unexceptional record of managing the most significant sustainability risks and opportunities			Leader A company leading its industry in managing the most significant sustainability risks and opportunities	

ESG Ratings. Source: MSCI

Sự khác biệt này không chỉ là ngữ nghĩa. Một doanh nghiệp có ESG Score 65/100 có thể là xuất sắc trong ngành khai khoáng (nơi mặt bằng chung thấp) nhưng lại dưới trung bình trong ngành công nghệ (nơi mặt bằng chung cao). Nhà đầu tư và ngân hàng quốc tế khi định giá rủi ro và ra quyết định cho vay gần như luôn sử dụng Rating - vì đây mới là chỉ số có thể so sánh chéo ngành và làm căn cứ định giá. Do đó, một doanh nghiệp chỉ tự công bố điểm số nội bộ mà không quy đổi sang một hệ thống xếp hạng được công nhận sẽ khó tạo ra giá trị đàm phán thực sự với đối tác tài chính quốc tế.

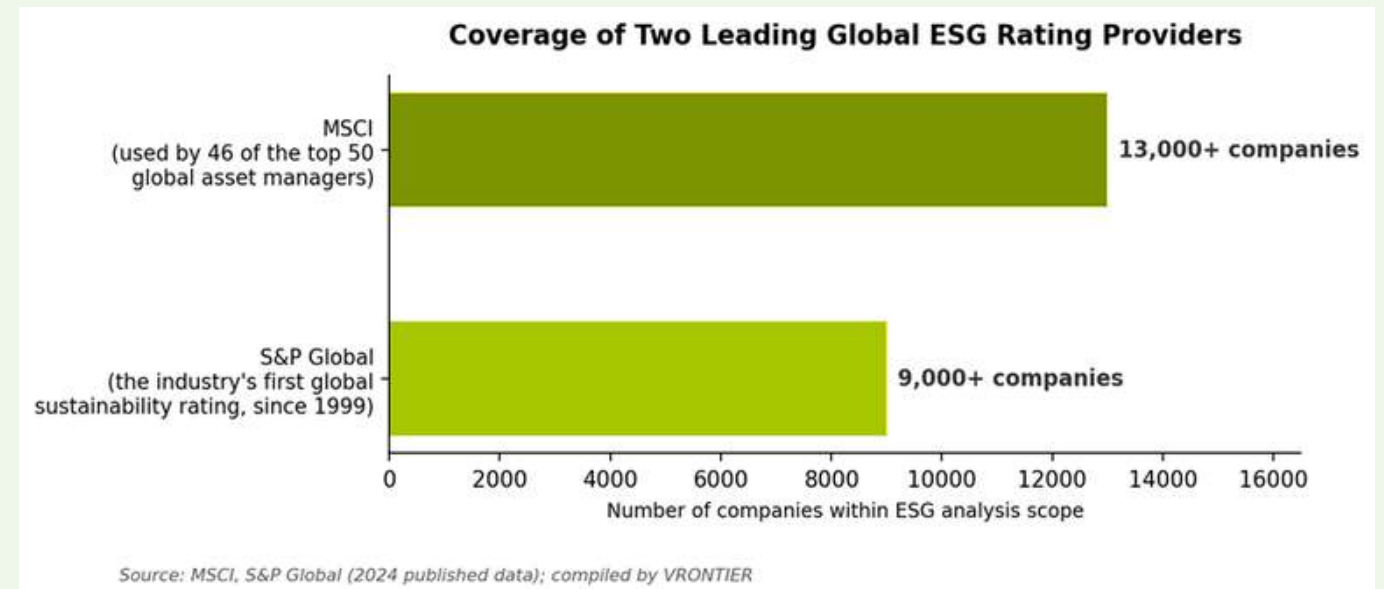
A common misconception is to conflate an ESG Score with an ESG Rating when in fact these are two outputs with distinct natures and uses. An ESG Score is an absolute numerical value, typically on a 0–100 scale, reflecting a company’s ESG performance at a given point in time. An ESG Rating, by contrast, is a relative classification expressed as a letter grade (AAA to CCC, as used by MSCI), a risk tier (low, medium, or high, as used by Sustainalytics), or a medal tier (Bronze, Silver, Gold, Platinum, as used by EcoVadis) indicating where a company stands relative to its industry peers.

This distinction is not merely semantic. A company with an ESG Score of 65/100 might be excellent within the mining sector (where the industry baseline is low) yet below average within the technology sector (where the baseline is high). When pricing risk and making lending decisions, international investors and banks almost always rely on the Rating - because it is this metric, not the raw score, that allows for cross-industry comparison and serves as a valuation benchmark. Consequently, a company that only self-publishes an internal score, without converting it into a recognised rating system, will struggle to generate real negotiating leverage with international financial partners.

2. Trọng số theo ngành: vì sao một bộ tiêu chí ESG không thể áp dụng đồng nhất

Industry-specific weighting: why a single set of ESG criteria cannot be applied uniformly

Một sai lầm chiến lược phổ biến ở doanh nghiệp mới tiếp cận ESG là sao chép nguyên bộ tiêu chí của một doanh nghiệp khác ngành để tự chấm điểm nội bộ. Trên thực tế, các tổ chức xếp hạng uy tín đều áp dụng cơ chế trọng số hóa theo đặc thù ngành (industry-specific weighting): một doanh nghiệp sản xuất phát thải cao (dệt nhuộm, xi măng, hoá chất) sẽ bị đánh giá nặng hơn ở trụ cột Môi trường (E); trong khi một tổ chức tài chính hoặc công ty dịch vụ lại được đánh giá nặng hơn ở trụ cột Quản trị (G) và Xã hội (S), do rủi ro môi trường trực tiếp của họ vốn thấp hơn nhiều.



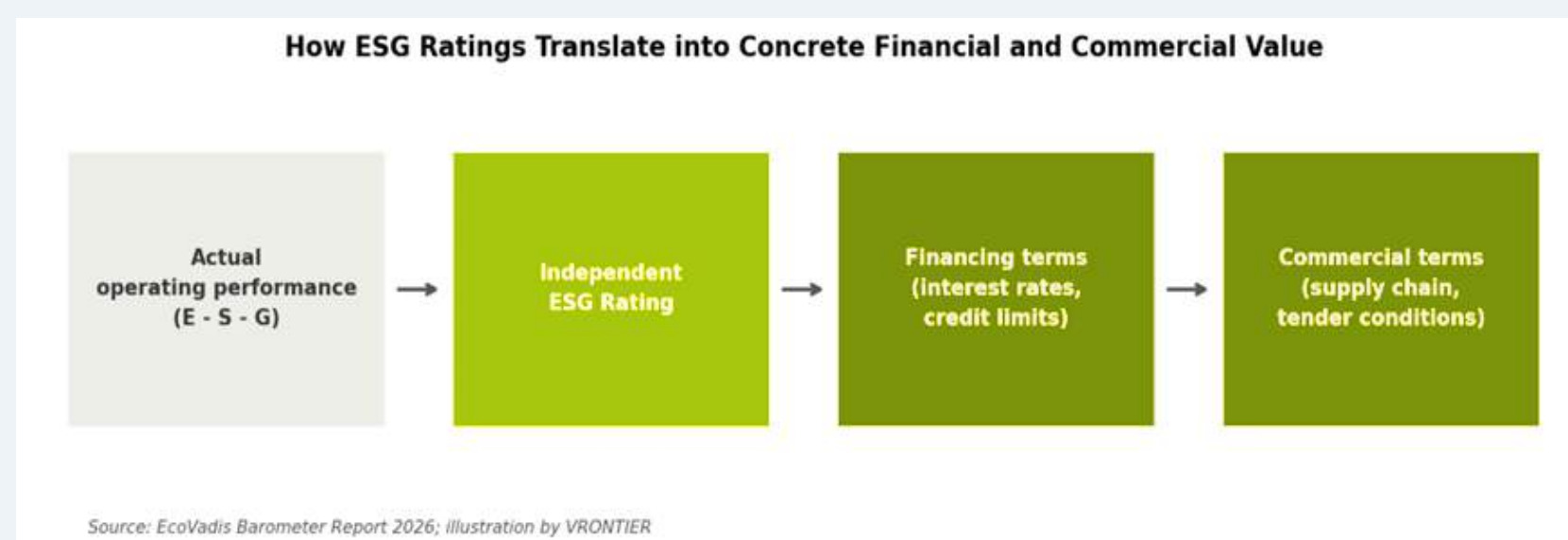
Cơ chế này có ý nghĩa thực tiễn rất cụ thể: doanh nghiệp cần xác định đúng những chủ đề trọng yếu (material topics) của chính ngành mình trước khi phân bổ nguồn lực xây dựng dữ liệu ESG, thay vì dàn trải nỗ lực đều cho cả ba trụ cột. Một doanh nghiệp xuất khẩu dệt may nên ưu tiên đầu tư vào dữ liệu môi trường (tiêu thụ nước, hoá chất nhuộm, phát thải) và dữ liệu lao động (điều kiện làm việc, giờ làm) - đây chính là hai nhóm chỉ tiêu chiếm trọng số cao nhất khi các tổ chức như EcoVadis hay Sustainalytics đánh giá ngành này.

A common strategic mistake among companies new to ESG is copying another industry's entire criteria set to self-score internally. In practice, credible rating agencies all apply industry-specific weighting: a high-emission manufacturer (textile dyeing, cement, chemicals) will be weighted more heavily on the Environmental (E) pillar, while a financial institution or services company will be weighted more heavily on the Governance (G) and Social (S) pillars, given their inherently lower direct environmental risk.

This mechanism carries very concrete practical implications: companies need to correctly identify the material topics specific to their own industry before allocating resources to build ESG data, rather than spreading effort evenly across all three pillars. A garment exporter, for instance, should prioritise investment in environmental data (water consumption, dyeing chemicals, emissions) and labour data (working conditions, working hours) - these are precisely the two indicator groups that carry the highest weighting when organisations such as EcoVadis or Sustainalytics assess this sector.

3. Từ điểm số đến dòng tiền: cơ chế ESG Rating chuyển hóa thành điều kiện tài chính, thương mại cụ thể

From score to cash flow: How ESG Ratings convert into concrete financial and commercial terms



Giá trị thực sự của ESG Rating không nằm ở bản thân con số, mà ở việc nó đã được tích hợp trực tiếp vào các cơ chế tài chính và thương mại đang vận hành trên thị trường quốc tế:

- **Định giá khoản vay gắn với hiệu suất bền vững (sustainability-linked loan):** nhiều ngân hàng và quỹ nợ tư nhân quốc tế đã đưa Rating (ví dụ của EcoVadis) trực tiếp vào tiêu chí xét duyệt, áp dụng lãi suất ưu đãi hơn cho doanh nghiệp có xếp hạng tốt, tạo động lực tài chính trực tiếp, không chỉ mang tính khuyến khích đạo đức.
- **Chương trình thanh toán hoá đơn sớm (early payment programme):** các tập đoàn thu mua lớn sử dụng Rating của nhà cung cấp để quyết định điều khoản thanh toán, nhà cung cấp có Rating cao được ưu tiên thanh toán sớm hơn với chi phí tài chính thấp hơn.
- **Điều kiện tham gia chuỗi cung ứng:** Như đã phân tích trong VRONTIER Tháng 7, Walmart - nhà bán lẻ lớn nhất thế giới, công khai ưu tiên hợp tác với các nhà cung cấp đáp ứng hoặc vượt ngưỡng tiêu chuẩn ESG nhất định, biến Rating từ một chỉ số tham khảo thành điều kiện tiên quyết để duy trì hợp đồng.

The real value of an ESG Rating lies not in the number itself, but in the fact that it has been directly integrated into financial and commercial mechanisms already operating in international markets:

- **Sustainability-linked loan pricing:** many international banks and private debt funds now build Ratings (such as those from EcoVadis) directly into their approval criteria, offering preferential interest rates to highly rated companies, creating a direct financial incentive rather than merely an ethical one.
- **Early payment programmes:** large corporate buyers use a supplier's Rating to determine payment terms; suppliers with higher Ratings are given priority for early payment at a lower cost of financing.
- **Supply chain eligibility conditions:** As analysed in the July issue of VRONTIER, Walmart - the world's largest retailer, openly prioritises partnerships with suppliers that meet or exceed specific ESG thresholds, turning the Rating from a reference indicator into a prerequisite for retaining the contract.

4. “Bẫy dữ liệu”: vì sao doanh nghiệp Việt Nam có nguy cơ bị đánh giá thấp hơn thực lực The “data trap”: why Vietnamese companies risk being rated below their actual performance

Chính các tổ chức xếp hạng lớn nhất cũng thừa nhận một giới hạn cố hữu trong phương pháp luận của mình: khoảng trống dữ liệu (data gaps). Những doanh nghiệp chưa có hạ tầng báo cáo bài bản, hoặc hoạt động tại khu vực có mức độ giám sát quy định còn hạn chế, đặc biệt dễ rơi vào tình trạng bị đánh giá không đầy đủ, không phải vì thực hành ESG kém, mà đơn giản vì thiếu minh chứng được xác minh độc lập để đưa vào hệ thống chấm điểm.

Đây là rủi ro mang tính cấu trúc đối với phần lớn doanh nghiệp Việt Nam. Tại thị trường trong nước, cơ chế xếp hạng bản địa gần như duy nhất hiện nay là Chỉ số Phát triển Bền vững Việt Nam (VNSI) do HOSE vận hành từ năm 2017 với tư vấn kỹ thuật từ Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ) và hỗ trợ thẩm định độc lập từ IFC, PwC Việt Nam, nhưng rổ chỉ số này chỉ giới hạn trong Top 20 cổ phiếu niêm yết có vốn hóa và thanh khoản lớn nhất. Điều này đồng nghĩa: tuyệt đại đa số doanh nghiệp Việt Nam bao gồm hầu hết doanh nghiệp xuất khẩu, doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp chưa niêm yết hoàn toàn nằm ngoài bất kỳ cơ chế xếp hạng ESG nội địa nào, và khi cần chứng minh năng lực ESG với đối tác quốc tế, họ buộc phải tiếp cận trực tiếp các tổ chức đánh giá toàn cầu mà không có bước đệm dữ liệu trong nước.

Trong bối cảnh thị trường chứng khoán Việt Nam đang được kỳ vọng nâng hạng lên nhóm mới nổi (emerging market) bởi FTSE Russell và MSCI - sự kiện có thể kích hoạt dòng vốn đầu tư quốc tế ước tính 5-8 tỷ USD, các quỹ đầu tư quốc tế khi đó sẽ ưu tiên tìm kiếm cổ phiếu không chỉ đáp ứng tiêu chí quy mô, thanh khoản, mà còn cả điều kiện quản trị và phát triển bền vững nghiêm ngặt. Doanh nghiệp không chuẩn bị sẵn hạ tầng dữ liệu và minh chứng độc lập từ bây giờ sẽ bỏ lỡ cơ hội tiếp cận dòng vốn này ngay khi nó xuất hiện.

Even the largest rating agencies themselves acknowledge an inherent limitation in their methodology: data gaps. Companies that lack robust reporting infrastructure, or that operate in regions with limited regulatory oversight, are particularly prone to incomplete assessments not because their ESG practices are weak, but simply because they lack independently verified evidence to feed into the scoring system.

This is a structural risk facing the vast majority of Vietnamese enterprises. Domestically, the only meaningful local rating mechanism is the Vietnam Sustainability Index (VNSI), operated by the Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE) since 2017 with technical advisory support from the German Corporation for International Cooperation (GIZ) and independent review support from IFC and PwC Vietnam, yet this index basket is limited to the Top 20 listed stocks by market capitalisation and liquidity. This means the overwhelming majority of Vietnamese companies, including most exporters, small and medium-sized enterprises, and unlisted companies, fall entirely outside the scope of any domestic ESG rating mechanism, and when they need to demonstrate their ESG capability to international partners, they are forced to engage directly with global rating agencies without any domestic stepping stone.

Against the backdrop of Vietnam's stock market being expected to be upgraded to emerging-market status by FTSE Russell and MSCI - an event projected to unlock an estimated USD 5-8 billion in international capital inflows, international investment funds will, at that point, prioritise stocks that meet not only scale and liquidity criteria, but also stringent governance and sustainability conditions. Companies that fail to build the necessary data infrastructure and independent verification evidence starting now will miss the opportunity to access this capital the moment it materializes.

5. Từ đánh giá hiện trạng đến xây dựng minh chứng From baseline assessment to building evidence

Trước khi có thể cải thiện Rating, doanh nghiệp cần một bước không thể bỏ qua: đánh giá hiện trạng ESG một cách hệ thống, thường thông qua các công cụ phân tích như SWOT và PESTEL để nhận diện đồng thời điểm mạnh, điểm yếu nội tại lẫn cơ hội, rủi ro từ môi trường bên ngoài. Tại Việt Nam, FPT Corporation là một ví dụ cụ thể: tập đoàn này đã thực hiện đánh giá chi tiết hiệu quả sử dụng năng lượng trong toàn bộ hoạt động công nghệ thông tin và viễn thông của mình, từ đó nhận diện được cơ hội cụ thể để tối ưu tiêu thụ năng lượng và giảm phát thải - một minh chứng dữ liệu định lượng, thay vì chỉ một tuyên bố cam kết định tính.

Điểm mấu chốt ở đây là: một bản đánh giá hiện trạng có giá trị với tổ chức xếp hạng bên ngoài phải đi kèm minh chứng có thể xác minh (audit trail) - dữ liệu tiêu thụ năng lượng theo kỳ, chứng chỉ hệ thống quản lý môi trường (ISO 14001), hồ sơ kiểm toán nội bộ hoặc độc lập. Đây chính là khoảng trống phổ biến nhất khiến nhiều doanh nghiệp Việt Nam, dù thực tế đã triển khai nhiều sáng kiến xanh, vẫn không được các tổ chức xếp hạng quốc tế ghi nhận đúng mức.

Before a Rating can be improved, companies must take an indispensable first step: a systematic ESG baseline assessment, typically conducted using analytical tools such as SWOT and PESTEL to simultaneously identify internal strengths and weaknesses alongside external opportunities and threats. In Vietnam, FPT Corporation offers a concrete example: the group conducted a detailed assessment of energy efficiency across its entire information technology and telecommunications operations, thereby identifying specific opportunities to optimise energy consumption and reduce emissions - a quantitative data-backed demonstration, rather than merely a qualitative statement of commitment.

The critical point here is this: a baseline assessment that holds value for an external rating agency must be accompanied by verifiable evidence - an audit trail including periodic energy consumption data, environmental management system certifications (such as ISO 14001), and internal or independent audit records. This remains the most common gap that prevents many Vietnamese companies, despite having genuinely implemented numerous green initiatives, from being adequately recognised by international rating agencies.

KIỂM NGHIỆM BÁNH TRUNG THU

Giải pháp kiểm soát chất lượng cho mùa đoàn viên



An toàn thực phẩm



Kết quả chính xác



Nâng tầm thương hiệu



HỆ THỐNG CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM

Được xem xét theo từng loại sản phẩm, thành phần nguyên liệu và mục đích sử dụng kết quả



Chỉ tiêu vi sinh

Salmonella spp.,
Escherichia coli (E. coli),
Staphylococcus aureus,
nấm men, nấm mốc...



Chỉ tiêu kim loại nặng

Chì (Pb), Cadimi (Cd),
Asen (As)... nhằm kiểm soát
nguy cơ ô nhiễm từ
nguyên liệu và bao bì.



Độc tố vi nấm

Aflatoxin, Ochratoxin A...
đối với các nguyên liệu
như hạt, đậu và ngũ cốc.



Chỉ tiêu dinh dưỡng

Năng lượng, protein,
chất béo, carbohydrate,
đường, natri... phục vụ
công bố và ghi nhãn sản phẩm
theo quy định.



GIÁM ĐỊNH, THỬ NGHIỆM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU

*Chuẩn hóa chất lượng – Cùng doanh nghiệp bạn
đưa nông sản Việt đi xa*

KHÁM PHÁ GIẢI PHÁP

- ✓ Giám định nông sản
- ✓ Phân tích thành phần,
Thử nghiệm chất lượng
- ✓ Đánh giá và Chứng nhận
- ✓ Hun trùng và Khử trùng

CONTACT INFO

☎ (+84) 24 3943 3840

✉ vinacontrol@vinacontrol.com.vn

Kiểm kê khí nhà kính

Bước đệm vững chắc cho doanh nghiệp phát triển bền vững



Vinacontrol đồng hành cùng bạn:

- ✓ Lập báo cáo kiểm kê khí nhà kính theo tiêu chuẩn ISO 14064-1
- ✓ Hướng dẫn xây dựng hệ thống quản lý dữ liệu phát thải
- ✓ Đề xuất biện pháp giảm phát thải & tối ưu năng lượng
- ✓ Hỗ trợ trong quá trình thẩm định, xác minh kết quả

KHÁM PHÁ NGAY



CBAM



Tư vấn lập báo cáo CBAM và Chuyển giao công nghệ

Làm chủ chuẩn mực xanh - Mở rộng cánh cửa vào EU

01

EU

Chinh phục
thị trường EU

02



Giảm thiểu rủi ro
pháp lý & tài chính

03



Cắt giảm phát thải
Carbon

04



Nâng cao năng lực
cạnh tranh

05



Thúc đẩy phát triển
bền vững



www.vinacontrol.com.vn



vinacontrol@vinacontrol.com.vn



(+84) 24 3943 3840

KHÁM PHÁ NGAY



NỐI DÒNG DI SẢN, KIẾN TẠO TƯƠNG LAI: NHỮNG CON NGƯỜI BẢO CHỨNG BẢN LĨNH VIỆT

Legacy in Motion: The People Carrying Vietnam's Standards Forward

Giữa không khí trang nghiêm của mùa thu lịch sử – thời khắc cả dân tộc cùng lắng lại để nhìn về chặng đường 81 năm độc lập, tự do và không ngừng vươn mình – có một câu chuyện vẫn âm thầm vang lên như một giai điệu tự hào: câu chuyện về những con người lặng lẽ đứng sau, bảo chứng cho chất lượng của hàng hóa Việt Nam. Gần bảy thập kỷ song hành cùng nền kinh tế, di sản lớn nhất mà Vinacontrol gìn giữ không nằm ở hàng nghìn chứng thư đã được phát hành, mà ở chính những lớp người đã và đang bền bỉ giữ vững “chiếc la bàn chuẩn mực” cho thương mại quốc tế.

Amid the solemn atmosphere of a historic autumn – a moment when the entire nation pauses to reflect on 81 years of independence, freedom, and relentless advancement – one story continues to resonate quietly, like a proud refrain: the story of the people who stand unseen behind the quality of Vietnamese goods. Across nearly seven decades alongside the nation's economy, Vinacontrol's greatest legacy lies not in the thousands of certificates it has issued, but in the successive generations who have steadfastly upheld the “compass of standards” for international trade.



Ngọn lửa tự hào, truyền qua nhiều thế hệ *A flame of pride, passed down through generations*

Văn hóa Vinacontrol được kết tinh từ tinh thần trách nhiệm, sự kiên định và lòng trung thực tuyệt đối trước mọi áp lực. Nhìn lại chặng đường đã qua, những thế hệ giám định viên đầu tiên đã đặt nền móng cho ngành giám định Việt Nam bằng sự tận tụy trong từng thao tác thủ công, giữa những điều kiện còn nhiều thiếu thốn của một thời đất nước gian khó. Hôm nay, ngọn lửa nghề ấy vẫn cháy trồn vẹn trong tim của những giám định viên, kiểm định viên, phân tích viên, chuyên gia trẻ tuổi – những người tiếp nhận không chỉ công việc, mà cả một tinh thần.

Vinacontrol's culture has been forged from a spirit of responsibility, unwavering resolve, and absolute integrity in the face of every pressure. Looking back, the earliest generations of inspectors laid the foundations of Vietnam's inspection industry through painstaking manual work, carried out amid the hardships of a nation still finding its feet. Today, that same flame burns undiminished in the hearts of a new generation of young inspectors, analysts and experts – who inherit not merely a job, but a spirit.

Sự chuyển giao thế hệ tại Vinacontrol, vì thế, không đơn thuần là việc trao lại những công cụ làm việc mới, mà sâu xa hơn, là sự tiếp nhận và kế thừa một 'di sản' về đạo đức nghề nghiệp. Ở bất kỳ thời kỳ nào, khoác lên mình chiếc áo Vinacontrol cũng đồng nghĩa với việc mang theo một lời hứa: về sự trung lập, minh bạch và chính xác – những giá trị cốt lõi giúp thương hiệu Việt tự tin khẳng định vị thế khi bước ra thế giới.

The generational handover at Vinacontrol is therefore never simply a matter of passing on new tools of the trade; more profoundly, it is the transmission of a "legacy" of professional ethics. In any era, to wear the Vinacontrol uniform is to carry forward a promise – of neutrality, transparency, and precision – the core values that allow the Vietnamese brand to step onto the world stage with confidence.



Bản lĩnh chuyên môn giữa dòng chảy hội nhập mới **Professional mettle amid a new wave of integration**

Nếu quá khứ đòi hỏi bản lĩnh vượt qua gian khó nơi hiện trường, thì kỷ nguyên hội nhập lại đòi hỏi con người Vinacontrol bứt phá bằng tri thức và công nghệ. Từ nền tảng giám định - thử nghiệm - chứng nhận chất lượng truyền thống, đội ngũ chuyên gia hôm nay đang tiên phong làm chủ những kỹ thuật đo lường phức tạp hơn nhiều: từ kiểm kê khí nhà kính, tư vấn giảm phát thải, kiểm toán năng lượng đến tư vấn phát triển bền vững.

Khoác trên mình màu áo truyền thống của một thương hiệu di sản, đội ngũ Vinacontrol không còn đơn thuần là những người "xác nhận sự thật" tại kho bãi, cảng biển, mà đã trở thành những chuyên gia tư vấn đồng hành cùng doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp đáp ứng những yêu cầu kỹ thuật ngày càng khắt khe, biến tuân thủ thành lợi thế cạnh tranh bền vững trên thương trường quốc tế.

If the past demanded the fortitude to endure hardship in the field, the era of integration now demands that Vinacontrol's people break new ground through knowledge and technology. Building on a traditional foundation of inspection, testing, and quality certification, today's experts are pioneering far more sophisticated disciplines: from GHG inventories and emissions-reduction advisory to energy audits and sustainable development consulting.

Wearing the traditional colours of a heritage brand, Vinacontrol's people are no longer merely those who "verify facts" at warehouses and seaports; they have become consulting experts who walk alongside businesses, helping to navigate increasingly stringent technical requirements and turning compliance into a lasting competitive advantage in international markets.

Lời cam kết cho những giá trị bền vững của tương lai **A commitment to building lasting value for the future**

"Viết tiếp hành trình tự hào" không phải một khẩu hiệu, mà là kim chỉ nam cho từng hành động mỗi ngày. Mỗi báo cáo phát thải carbon được hoàn thành, mỗi lô hàng thông quan thuận lợi nhờ một chứng thư uy tín, mỗi quy trình xanh được tư vấn thành công – tất cả đều lặng lẽ góp phần mở rộng hơn vị thế của nền kinh tế Việt Nam trên bản đồ thương mại toàn cầu.

Người Vinacontrol hiểu rằng, đằng sau mỗi con số kỹ thuật là danh dự của một thương hiệu, là kỳ vọng của một doanh nghiệp, và xa hơn, là uy tín của cả một quốc gia. Bằng sự dung hòa giữa bản lĩnh của di sản và khát vọng đổi mới không ngừng, những con người ấy đang từng ngày cùng cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam kiến tạo nên một tương lai thịnh vượng, minh bạch và bền vững.

"Forging ahead with pride" is not a slogan – it is a compass guiding every action, every day. Each completed carbon verification report, each shipment cleared smoothly on the strength of a trusted certificate, each successfully advised green transition initiative – all of these quietly contribute to strengthening the position of Vietnam's economy on the global trade map.

Vinacontrol's people understand that behind every technical figure lies the honour of a brand, the expectations of a business, and, further still, the credibility of a nation. By harmonising the fortitude of heritage with an unrelenting aspiration for renewal, these people are, day by day, working alongside Vietnam's business community to build a future that is prosperous, transparent, and sustainable.

“

**Work hard in silence, let your
success be your noise**

Lặng lẽ nỗ lực, để thành quả tự cất lời.

– Frank Ocean

Week
1

🌿 Phát triển bền vững và Chuyển đổi xanh



Kiểm toán năng lượng – Từ nghĩa vụ pháp lý đến lợi thế cạnh tranh bền vững

Từ ngày 21/1/2026, Nghị định số 30/2026/NĐ-CP chính thức có hiệu lực, thay thế Nghị định 21/2011/NĐ-CP, siết chặt quy định các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm phải thực hiện kiểm toán năng lượng định kỳ. Trong bối cảnh chi phí năng lượng ngày càng gia tăng và các tiêu chuẩn xanh trở thành điều kiện bắt buộc để tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu, kiểm toán năng lượng không còn là một lựa chọn "nên làm" - mà là chiến lược sống còn của doanh nghiệp hiện đại.

🌿 Sustainable Development & Green Transition



Energy audit – From legal obligation to a lasting competitive edge

Decree No. 30/2026/ND-CP took effect on 21 January 2026, replacing Decree 21/2011/ND-CP and tightening the requirements for designated key energy-consuming facilities to conduct periodic energy audits. As energy costs continue to rise and green standards become a mandatory condition for participating in global supply chains, energy auditing is no longer a "nice-to-have" - it is a survival strategy for the modern enterprise.

Week
2

🌿 Đánh giá sự phù hợp phục vụ quản lý Nhà nước

Kiểm tra chất lượng thép nhập khẩu: Điểm tựa pháp lý, khơi thông tiến độ

Nhập khẩu thép là bài toán tất yếu để bù đắp thiếu hụt nguồn cung cho các ngành công nghiệp mũi nhọn, song luôn đối mặt với rào cản pháp lý siết chặt. Vinacontrol cung cấp dịch vụ kiểm tra chất lượng chuyên sâu - "chìa khóa" giúp doanh nghiệp chuẩn hóa tuân thủ, tối ưu chi phí vận hành và giữ vững tiến độ công trình.

🌿 Conformity Assessment for State Management

Imported steel quality inspection: A regulatory anchor for keeping projects on schedule

Importing steel is essential to bridge the supply gap for key industries, yet it faces increasingly stringent regulatory hurdles. Vinacontrol provides specialised quality inspection services - the "key" for enterprises to standardise compliance, optimise operational costs, and safeguard project timelines.

📍 Hanoi, Vietnam

Week
4

Phát triển bền vững và Chuyển đổi xanh

Giám định công nghệ trong kỷ nguyên đầu tư xanh: Lá chắn rủi ro cho doanh nghiệp

Trong bối cảnh Việt Nam siết chặt tiêu chí dòng vốn FDI theo định hướng công nghệ cao và chuyển đổi xanh, giám định công nghệ đã trở thành một khâu kiểm soát quan trọng đối với mỗi dự án đầu tư. Là một trong hai đơn vị duy nhất được Bộ Khoa học và Công nghệ chỉ định, Vinacontrol không chỉ giúp doanh nghiệp minh bạch hóa chất lượng dây chuyền máy móc để vượt qua các rào cản pháp lý, mà còn là "điểm tựa" bảo toàn tiến độ dự án và đảm bảo sự phát triển bền vững trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

Sustainable Development & Green Transition

Technology Inspection in the era of green investment: A risk shield for enterprises

Amid Vietnam's stringent recalibration of FDI inflow towards high-tech and green transition, technology inspection has emerged as a critical risk-control step for investment projects. As one of only two entities designated by the Ministry of Science and Technology, Vinacontrol enables businesses to ensure full transparency of their machinery and production lines, overcome legal barriers, protect project schedules, and foster long-term competitiveness within the global supply chain.

Week
5

Giám định hàng hóa

Giám định bông xơ: Điểm tựa minh bạch cho chuỗi cung ứng dệt may

Trong ngành công nghiệp dệt may, bông xơ là nguyên liệu đầu vào quyết định trực tiếp đến chất lượng sợi và chi phí sản xuất. Tuy nhiên, sự chênh lệch về phẩm cấp, độ ẩm hay khối lượng thực tế so với hợp đồng thương mại luôn là rủi ro tiềm ẩn cho các nhà máy. Dịch vụ giám định bông xơ của Vinacontrol mang đến giải pháp kiểm soát độc lập và chính xác, giúp doanh nghiệp chuẩn hóa hồ sơ pháp lý, bảo vệ quyền lợi kinh tế và đảm bảo dòng chảy sản xuất thông suốt.

Commodity Inspection

Cotton fibre inspection: A foundation of transparency for the textile supply chain

In the textile industry, raw cotton and fibre are the input materials that directly determine yarn quality and production cost. Yet discrepancies in grade, moisture content, or actual weight against the terms of a commercial contract remain a persistent risk for manufacturing facilities. Vinacontrol's cotton and fibre inspection service delivers an independent, precise quality-control solution, helping businesses standardise their legal documentation, safeguard their economic interests, and ensure uninterrupted production flow.



Hanoi, Vietnam



Vinacontrol Group

Address: 54 Tran Nhan Tong, Hai Ba Trung, Hanoi, Vietnam

Tel.: +84 24 3943 3840 | Email: vinacontrol@vinacontrol.com.vn

 www.vinacontrol.com.vn |  www.facebook.com/vinacontrolpage